

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT

2025



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG
THANHCONG SECURITIES COMPANY**

MỤC LỤC

1. Thông tin chung/ General information.....	1
1.1 Thông tin khái quát/ <i>General information</i>	1
1.2 Quá trình hình thành và phát triển/ <i>Establishment and development process</i>	1
1.3 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ <i>Business lines and locations of the business</i>	5
1.4 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ <i>Information about governance model, business organization and managerial apparatus</i>	6
1.5 Định hướng phát triển/ <i>Development orientations</i>	9
1.6 Các rủi ro/ <i>Risks</i>	10
2. Tình hình hoạt động trong năm/ Operations in the year	10
2.1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ <i>Situation of production and business operations</i>	10
2.2 Tổ chức và nhân sự/ <i>Organization and Human resources</i>	12
2.3 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/ <i>Investment activities, project implementation</i>	16
2.4 Tình hình tài chính/ <i>Financial situation:</i>	18
2.5 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ <i>Shareholders structure, change in the owner's equity.</i>	19
2.6 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty/ <i>Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company:</i>	20
3. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Reports and assessments of the Board of Management.....	24
3.1 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ <i>Assessment of operating results</i>	24
3.2 Tình hình tài chính/ <i>Financial Situation</i>	25
3.3 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ <i>Improvements in organizational structure, policies, and management</i>	28
3.4 Kế hoạch phát triển trong tương lai/ <i>Development plans in future</i>	28
3.5 Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)/ <i>Explanation of the Board of Management for auditor's opinions (if any)</i>	29
3.6 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ <i>Assessment Report related to environment and social responsibilities of the Company</i> ..	29
4. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty/ Assessments of the Board of Directors on the Company's operation.....	30
4.1 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty/ <i>Assessments of the Board of Directors on the Company's operation</i>	30
4.2 Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/ <i>Assessment of BOD on Boards of Managements performance</i>	34
4.3 Các kế hoạch, định hướng của HĐQT/ <i>Plans and orientations of the BOD:</i>	35
5. Quản trị công ty/ Corporate governance	36
5.1 Hội đồng quản trị/ <i>Board of Directors</i>	36
5.2 Ban kiểm soát (BKS)/ <i>Board of supervisors (BOS)</i>	43
5.3 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và BKS/ <i>Transactions, remunerations and benefits of the BOD, Board of Management and BOS</i>	44
6. Báo cáo tài chính hợp nhất/ Consolidated interim financial statements	46
6.1 Ý kiến của kiểm toán viên/ <i>Auditor's opinions</i>	46
6.2 Báo cáo tài chính được kiểm toán/ <i>Audited financial statements</i>	46

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025/ 2025 ANNUAL REPORT

1. Thông tin chung/ General information

1.1 Thông tin khái quát/ General information

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công**
Trading name: ThanhCong Securities Company
- Giấy phép thành lập số: 81/UBCK-GP
Establishment and Operation License No.: 81/UBCK-GP
- Vốn điều lệ: 1.156.209.640.000 đồng (Một nghìn, một trăm năm mươi sáu tỷ, hai trăm lẻ chín triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng)
Charter capital: VND 1,156,209,640,000 (One trillion, one hundred fifty-six billion, two hundred nine million, six hundred forty thousand dong)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 1.156.126.290.000 đồng (Một nghìn, một trăm năm mươi sáu tỷ, một trăm hai mươi sáu triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng)
Owner's capital: VND 1,156,126,290,000 (One trillion, one hundred fifty-six billion, one hundred twenty-six million, two hundred ninety thousand dong)
- Địa chỉ: Lầu 2, Số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
Address: 2nd Floor, No. 6 Ho Tung Mau Street, Saigon Ward, Ho Chi Minh City
- Số điện thoại/ Telephone: (+84) 28 3827 0527
- Số fax/ Fax: (+84) 28 3821 8010
- Website: <https://tcsc.vn>
- Mã cổ phiếu/ Securities code: TCI

1.2 Quá trình hình thành và phát triển/ Establishment and development process

2008	31 tháng 01 <i>January 31</i>	Các cổ đông sáng lập nhận được Phê chuẩn chính thức từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cho phép thành lập TCSC với 03 lĩnh vực kinh doanh: Môi giới chứng khoán, Tư vấn đầu tư chứng khoán và Tự doanh chứng khoán. Vốn điều lệ của TCSC là 360 tỷ đồng. <i>The founding shareholders received official approval from the State Securities Commission (SSC) to establish TCSC with three business areas: securities brokerage, securities investment consulting, and proprietary trading. The charter capital of TCSC was VND 360 billion.</i>
2008	01 tháng 02 <i>February 1</i>	TCSC được thành lập với trụ sở chính tại số 36 đường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM). <i>TCSC was established with its headquarters at 36 Tay Thanh Street, Tan Phu District, Ho Chi Minh City (HCMC).</i>
2008	06 tháng 3 <i>March 6</i>	TCSC trở thành thành viên của Trung tâm lưu ký chứng khoán (VSD) với giấy phép số 88/GCNTVLK. <i>TCSC became a member of the Vietnam Securities Depository (VSD) under Membership Certificate No. 88/GCNTVLK.</i>
2008	24 tháng 6 <i>June 24</i>	TCSC trở thành thành viên của Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HaSTC).

		<i>TCSC became a member of the Hanoi Securities Trading Center (HaSTC).</i>
2008	25 tháng 6 <i>June 25</i>	TCSC được chính thức công nhận là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM (HOSE). <i>TCSC was officially recognized as a member of the Hochiminh Stock Exchange (HOSE).</i>
2008	16 tháng 8 <i>August 16</i>	TCSC tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. <i>TCSC held its First General Meeting of Shareholders.</i>
2008	09 tháng 9 <i>September 9</i>	TCSC tổ chức lễ khai trương và thông báo việc liên kết với đối tác chiến lược quốc tế hàng đầu – Công ty Đại chúng Chứng khoán Seamico. <i>TCSC held an opening ceremony and announced its partnership with a leading international strategic partner – Seamico Securities Public Company.</i>
2009	12 tháng 01 <i>January 12</i>	TCSC đủ tiêu chuẩn tham gia giao dịch trực tuyến và giao dịch qua Website tại HOSE. <i>TCSC met the standards to participate in online trading and web-based trading on HOSE.</i>
2009	31 tháng 3 <i>March 31</i>	TCSC đủ tiêu chuẩn tham gia giao dịch từ xa tại HaSTC. <i>TCSC met the standards to participate in remote trading on HaSTC.</i>
2009	24 tháng 4 <i>April 24</i>	TCSC đăng ký trở thành công ty đại chúng. <i>TCSC registered to become a public company.</i>
2009	29 tháng 4 <i>April 29</i>	Seamico chính thức mua lại 18.88% cổ phần TCSC để trở thành đối tác chiến lược của TCSC. <i>Seamico officially acquired 18.88% of TCSC's shares to become a strategic partner of TCSC.</i>
2009	13 tháng 5 <i>May 13</i>	TCSC thành lập chi nhánh Hà Nội theo quyết định 301/QĐ-UBCK với các nghiệp vụ: Môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán. <i>TCSC established its Hanoi Branch according to Decision No. 301/QĐ-UBCK, providing the following services: securities brokerage, securities investment consulting, and securities depository services.</i>
2009	27 tháng 5 <i>May 27</i>	TCSC bổ sung nghiệp vụ Bảo lãnh phát hành chứng khoán theo quyết định số 238/UBCK-GP. <i>TCSC was licensed to provide securities underwriting services under Decision No. 238/UBCK-GP.</i>
2009	11 tháng 7 <i>July 11</i>	TCSC tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2009. <i>TCSC held the 2009 Annual General Meeting of Shareholders.</i>
2010	28 tháng 01 <i>January 28</i>	TCSC dời trụ sở chính về Lầu 3 & 5 Tòa nhà Centec – số 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP.HCM. <i>TCSC relocated its Head Office to 3rd & 5th Floors Centec Tower, No. 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai Street, Ward 6, District 3, HCMC.</i>
2010	12 tháng 3 <i>March 12</i>	TCSC được chấp thuận tham gia giao dịch trực tuyến tại HNX. <i>TCSC was approved to participate in online trading on HNX.</i>
2010	27 tháng 3 <i>March 27</i>	TCSC tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2010. <i>TCSC held the 2010 Annual General Meeting of Shareholders.</i>
2010	11 tháng 5 <i>May 11</i>	TCSC đóng cửa chi nhánh Hà Nội. <i>TCSC closed its Hanoi Branch.</i>

2010	14 tháng 6 <i>June 14</i>	TCSC tổ chức Đại hội cổ đông bất thường. <i>TCSC held an Extraordinary General Meeting of Shareholders.</i>
2010	11 tháng 11 <i>November 11</i>	TCSC được UBCKNN chấp thuận đăng ký cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến. <i>TCSC has been approved by the SSC to register for providing online securities trading services.</i>
2010	24 tháng 11 <i>November 24</i>	TCSC được chấp thuận tham gia giao dịch trực tuyến thị trường đăng ký giao dịch tại HNX. <i>TCSC has been approved to participate in online trading on the HNX's registered trading market.</i>
2011	22 tháng 4 <i>April 22</i>	TCSC tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2011. <i>TCSC held the 2011 Annual General Meeting of Shareholders.</i>
2011	27 tháng 9 <i>September 27</i>	TCSC triển khai nghiệp vụ giao dịch ký quỹ. <i>TCSC launched margin trading services.</i>
2012	11 tháng 5 <i>May 11</i>	TCSC tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2012. <i>TCSC held the 2012 Annual General Meeting of Shareholders.</i>
2013	29 tháng 3 <i>March 29</i>	TCSC tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2013. <i>TCSC held the 2013 Annual General Meeting of Shareholders.</i>
2014	24 tháng 3 <i>March 24</i>	TCSC tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2014. <i>TCSC held the 2014 Annual General Meeting of Shareholders.</i>
2015	19 tháng 3 <i>March 19</i>	TCSC tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2015. <i>TCSC held the 2015 Annual General Meeting of Shareholders.</i>
2015	20 tháng 10 <i>October 20</i>	TCSC dời trụ sở chính về Lầu 5, số 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM. <i>TCSC relocated its Head Office to 5th Floor, 194 Nguyen Cong Tru Street, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, HCMC.</i>
2016	31 tháng 3 <i>March 31</i>	TCSC tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2016. <i>TCSC held the 2016 Annual General Meeting of Shareholders.</i>
2017	30 tháng 6 <i>June 30</i>	TCSC tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2017. <i>TCSC held the 2017 Annual General Meeting of Shareholders.</i>
2018	21 tháng 6 <i>June 21</i>	TCSC tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2018. <i>TCSC held the 2018 Annual General Meeting of Shareholders.</i>
2018	05 tháng 9 <i>September 5</i>	TCSC chính thức giao dịch sàn UpCoM với mã chứng khoán là "TCI". <i>TCSC was officially listed and traded on the UpCoM exchange under the stock code "TCI."</i>
2018	20 tháng 11 <i>November 20</i>	TCSC dời trụ sở chính về Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM. <i>TCSC relocated its Head Office to 2nd Floor, 6 Ho Tung Mau Street, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, HCMC.</i>
2018	17 tháng 12 <i>December 17</i>	TCSC tổ chức Đại hội cổ đông bất thường. <i>TCSC held an Extraordinary General Meeting of Shareholders.</i>
2019	20 tháng 04 <i>April 20</i>	TCSC tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2019. <i>TCSC held the 2019 Annual General Meeting of Shareholders.</i>

2020	22 tháng 05 May 22	TCSC tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. <i>TCSC conducted a written shareholder opinion survey.</i>
2020	30 tháng 05 May 30	TCSC tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2020. <i>TCSC held the 2020 Annual General Meeting of Shareholders.</i>
2021	18 tháng 01 January 18	TCSC tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. <i>TCSC conducted a written shareholder opinion survey.</i>
2021	09 tháng 06 June 09	TCSC tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2021. <i>TCSC held the 2021 Annual General Meeting of Shareholders.</i>
2022	26 tháng 02 February 26	TCSC tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2022. <i>TCSC held the 2022 Annual General Meeting of Shareholders.</i>
2023	08 tháng 06 June 08	TCSC tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2023. <i>TCSC held the 2023 Annual General Meeting of Shareholders.</i>
2023	23 tháng 11 November 23	TCSC tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. <i>TCSC conducted a written shareholder opinion survey.</i>
2023	28 tháng 12 December 28	TCSC được chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu TCI trên sàn HOSE. <i>TCSC was approved to register the listing of TCI shares on the Hochiminh Stock Exchange (HOSE).</i>
2024	26 tháng 01 January 26	Chính thức giao dịch trên sàn HOSE. <i>TCI was officially listed and traded at the Hochiminh Stock Exchange (HOSE).</i>
2024	13 tháng 05 May 13	TCSC tăng vốn điều lệ từ 1.009.799.820.000 đồng lên 1.156.209.640.000 đồng. <i>TCSC increased charter capital from 1.009.799.820.000 VND to 1.156.209.640.000 VND.</i>
2024	29 tháng 05 May 29	TCSC được chấp thuận là thành viên giao dịch Trái phiếu Doanh nghiệp riêng lẻ của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam (VNX). <i>TCSC was approved as a trading member for privately placed corporate bonds by the Vietnam Stock Exchange (VNX).</i>
2024	17 tháng 06 June 17	TCSC tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2024. <i>TCSC held the 2024 Annual General Meeting of Shareholders.</i>
2024	28 tháng 06 June 28	TCSC được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh, đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh. <i>TCSC was granted a Certificate of Eligibility for Derivatives Trading and a Certificate of Eligibility for Clearing and Settlement Services for Derivatives Transactions.</i>
2024	11 tháng 10 October 11	TCSC được chấp thuận là thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam. <i>TCSC was approved as a derivative securities trading member of the Vietnam Stock Exchange.</i>
2024	14 tháng 10 October 14	TCSC được chấp thuận kết nối giao dịch thị trường chứng khoán phái sinh. <i>TCSC was approved to connect for trading on the derivative securities market.</i>
2025	17 tháng 04 April 17	TCSC tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2025. <i>TCSC held the 2025 Annual General Meeting of Shareholders.</i>

1.3 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ *Business lines and locations of the business*

❖ Ngành nghề kinh doanh/ *Business lines:*

- Môi giới chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán/ *Securities brokerage and investment advisory services.*

Chúng tôi cung cấp một chuỗi các dịch vụ gồm/ *We provide a range of services including:*

- Lập tài khoản giao dịch cho khách hàng.
Opening trading accounts for clients.
- Nhận và thực thi lệnh mua/bán chứng khoán từ khách hàng.
Receipt and execution of clients' buy and sell orders for securities.
- Lưu ký chứng khoán.
Securities depository services.
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.
Securities investment advisory.
- Cho vay ký quỹ giao dịch chứng khoán.
Margin lending for securities trading.
- Môi giới những giao dịch số lượng lớn.
Brokerage services for block trades.

Ngoài ra chúng tôi còn cung cấp những dịch vụ/ *In addition, we provide the following services:*

- Thông báo đến khách hàng kết quả giao dịch bằng thư điện tử, tin nhắn hoặc điện thoại sau mỗi phiên giao dịch.
Notifying clients of transaction results via email, SMS, or phone after each trading session.
- Cập nhật thông tin thị trường cho khách hàng bằng bản tin ngày, tuần, tháng và các báo cáo phân tích của công ty.
Providing market updates to clients through daily, weekly, and monthly newsletters, as well as the Company's analytical reports.
- Tư vấn chiến lược đầu tư cho khách hàng thông qua những phân tích về tình hình kinh tế tổng quan, ngành, công ty,
Providing investment strategy advisory to clients through analyses of the macroeconomic environment, industries, and companies...
- Bảo lãnh phát hành và Tư vấn tài chính (Ngân hàng đầu tư)/ *Underwriting and Financial Advisory Services (Investment Banking).*
 - Nghiệp vụ hỗ trợ, tư vấn, bảo lãnh phát hành, phân phối vốn liên quan đến các đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng, phát hành tăng vốn, quyền bán thêm của nhà bảo lãnh phát hành, quản lý cổ đông.
Advisory, underwriting, and distribution services related to public offerings, capital increases, additional underwriter allotments, and shareholder management.
 - Định hướng tiến trình huy động vốn cho một doanh nghiệp, phát hành riêng lẻ, quyền phát hành và các dạng khác của việc thu hút vốn đầu tư.

Advisory on corporate fundraising processes, including private placements, subscription rights, and other forms of capital raising.

- Dịch vụ tư vấn về mua bán, sáp nhập và hợp nhất doanh nghiệp, mua bán tài chính, thiết lập việc cổ phần hóa và các nghiệp vụ hỗ trợ đi kèm.

Advisory services on mergers and acquisitions (M&A), business consolidation, financial transactions, equitization, and related support services.

- Giành quyền kiểm soát, thầu tóm ngược, chào thầu, chiến lược thuốc độc, quyền được bán theo, quyền buộc bán theo.

Acquiring control, reverse takeovers, tender offers, poison pill defense strategies, tag-along rights, and drag-along rights.

- Dịch vụ đầu tư và tư vấn tài chính của TCSC hỗ trợ khách hàng xác định mức giá chào mua hay bán ra, cấu trúc một thương vụ và thông thường là tìm kiếm một thương vụ tiến hành trôi chảy.

TCSC's investment and financial advisory services assist clients in determining bid or ask prices, structuring transactions, and typically ensuring smooth execution of deals.

- Tư vấn tái cấu trúc vốn: Nợ ưu tiên trả trước có thể chấp, nợ ưu tiên trả trước, nợ có thể chuyển đổi, nợ có thể trao đổi, cổ phiếu ưu đãi, nợ cổ đông, cổ phiếu thường.

Advisory on capital restructuring, including secured senior debt, unsecured senior debt, convertible debt, exchangeable debt, preferred stock, shareholder debt, common stock.

- Tư vấn sử dụng đòn bẩy tài chính: Đầu cơ vay nợ, tái cơ cấu vốn bằng vay nợ, tài trợ tài chính, phát hành trái phiếu.

Advisory on financial leveraging: Leveraged financing, capital restructuring through debt, financial sponsorship, bond issuance.

- Tư vấn định giá dựa vào các mô hình tài chính hiện đại: Khách hàng của chúng tôi tin chắc rằng họ có thể luôn luôn đặt niềm tin vào chúng tôi. Sự thành công của những đối tác tin cậy đã thúc đẩy mối quan hệ khách hàng ngày càng được nhân rộng hơn.

Valuation advisory based on modern financial models: Our clients are confident that they can always trust us. The success of trusted partners has strengthened and expanded our client relationships.

- **Tự doanh/ Proprietary Trading:**

Hoạt động tự doanh được thực hiện theo nguyên tắc: Đầu tư vào các công ty có giá trị, có kết quả kinh doanh tốt và thuộc nhóm ngành cơ bản. Tổng ngân sách đầu tư được Hội đồng quản trị phê duyệt theo từng lần.

Proprietary trading is conducted based on the principle of investing in companies with strong value, good business performance, and within fundamental sectors. The total investment budget is approved by the Board of Directors on a case-by-case basis.

- ❖ **Địa bàn kinh doanh/ Location of business:**

Địa bàn kinh doanh của TCSC tập trung chủ yếu tại khu vực các thành phố lớn như TP.HCM và Hà Nội.

TCSC's business operations are primarily concentrated in major cities such as HCMC and Hanoi.

1.4 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ *Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

- ❖ **Mô hình quản trị/ Governance model**

TCSC áp dụng mô hình quản trị phù hợp với xu hướng hiện đại nhằm tạo nên tính linh hoạt nhưng an toàn trong hoạt động, có cơ chế báo cáo định kỳ, bất thường và giám sát chéo. Cụ thể mô hình theo chức năng gồm: Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ); Ban Kiểm soát (BKS), Hội đồng quản trị (HĐQT); thành viên HĐQT chuyên trách Quản trị rủi ro, Kiểm soát nội bộ, Ban điều hành (BDH) đứng đầu là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các Giám đốc bộ phận chức năng.

TCSC has applied a governance model that aligns with modern trends to ensure flexibility while maintaining safety in operations. It includes mechanisms for regular and ad-hoc reporting, as well as cross-monitoring. Specifically, the functional structure included: General Meeting of Shareholders (GMS); Board of Supervisors (BOS); Board of Directors (BOD); a BOD member responsible for Risk Management, Internal Control; Board of Management (BOM) led by the General Director, Deputy General Director, and department directors.

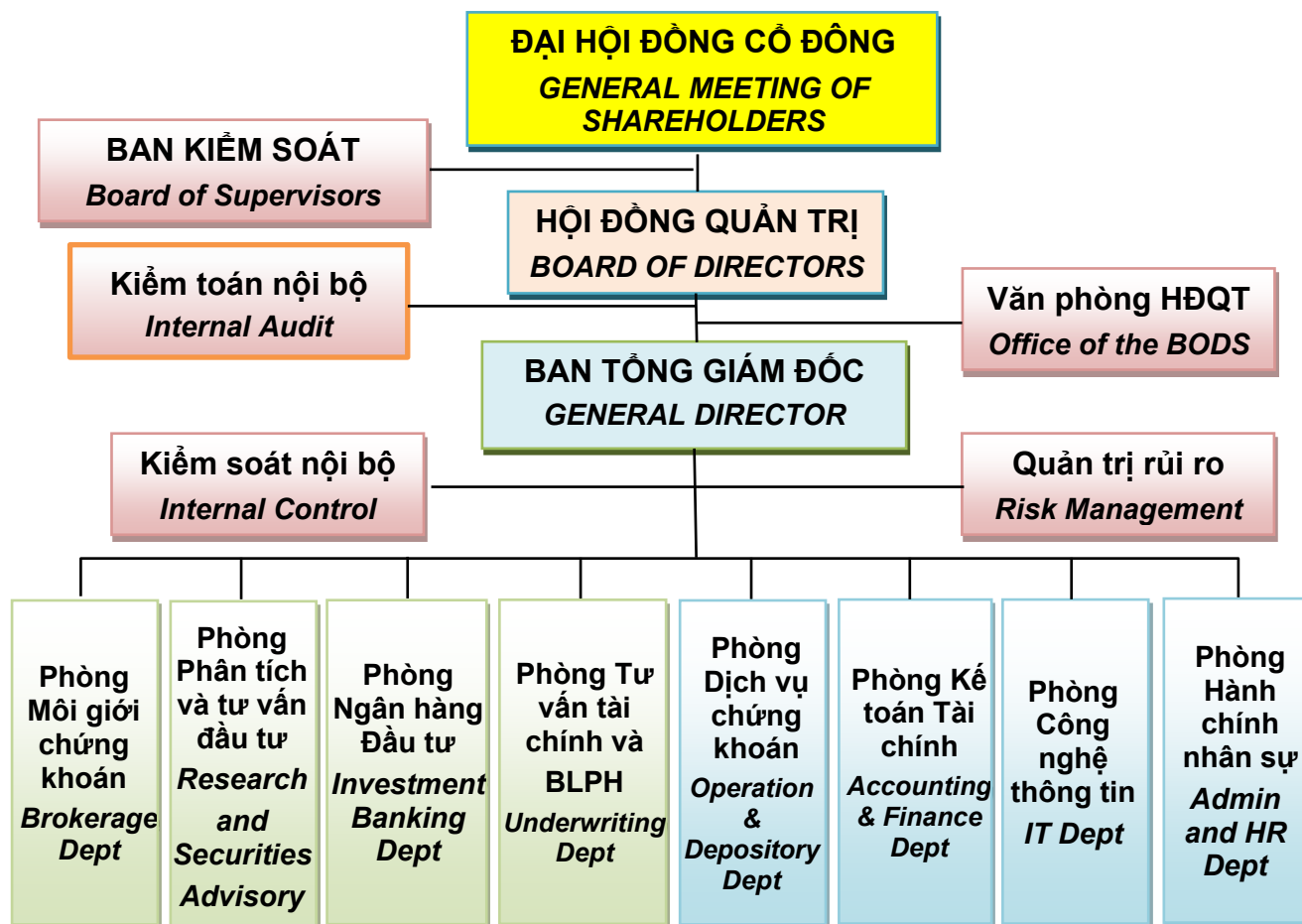
❖ Cơ cấu bộ máy quản lý/ *Management structure*

Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công và chịu trách nhiệm theo từng nhóm chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc quản lý chung và phụ trách mảng kinh doanh, Phó Tổng Giám đốc phụ trách khối vận hành và hỗ trợ hoạt động kinh doanh. Hoạt động điều hành thông qua việc chỉ đạo, theo dõi, phân cấp, ủy quyền để giải quyết các công việc liên quan đến hoạt động của công ty đảm bảo thông suốt, hiệu quả.

The Company's organizational structure is based on the principle of delegation of responsibilities by functional groups, with close interrelations. The General Director oversees the general management and is responsible for the business operations, while the Deputy General Director oversees operations and supports business activities. Executive operations are conducted through direction, monitoring, delegation, and authorization to ensure smooth and efficient handling of tasks related to the Company's operations.

Sơ đồ cơ cấu tổ chức:
Organizational chart:

❖ Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies:*



- Các công ty con/ *Subsidiaries*

Tên công ty <i>Company Name</i>	Địa chỉ trụ sở chính <i>Head Office Address</i>	Hoạt động kinh doanh chính <i>Major Fields of Business</i>	Tỷ lệ vốn góp <i>Ownership Percentage</i>	Tỷ lệ lợi ích <i>Benefit Percentage</i>	Tỷ lệ quyền biểu quyết <i>Voting Rights Percentage</i>
Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công (TCAM) <i>Thanh Cong Asset Management Company Limited (TCAM)</i>	Số 550 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, TP. HCM <i>550 Au Co Street, Bay Hien Ward, HCMC</i>	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn đầu tư chứng khoán. <i>Securities investment fund management, portfolio management, and securities investment advisory.</i>	100%	100%	100%
Quỹ đầu tư Thành Công (TCIF) <i>Thanh Cong Investment Fund (TCIF)</i>	Số 550 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, TP. HCM <i>550 Au Co Street, Bay Hien Ward, HCMC</i>	Đầu tư vào chứng khoán hoặc các dạng tài sản đầu tư khác, kể cả bất động sản. <i>Investment in securities or other types of investment assets, including real estate.</i>	98%	98%	98%

- Công ty không có công ty liên kết và không có đơn vị trực thuộc.
The company has no associated companies and no subordinate units.

1.5 Định hướng phát triển/ *Development orientations*

❖ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ *Main objectives of the Company*

Hướng đến sự phát triển bền vững, học hỏi và sáng tạo nhằm mang đến các sản phẩm và dịch vụ tài chính ưu việt hỗ trợ nhu cầu đầu tư đa dạng của khách hàng trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

Aiming for sustainable development, continuous learning, and innovation to deliver superior financial products and services that support the diverse investment needs of clients, while ensuring compliance with applicable laws and regulations.

❖ Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Development strategies in medium and long term*

- Chuyên nghiệp hóa nguồn lực, xây dựng đội ngũ nhân sự tinh nhuệ, tăng cường tư cách đạo đức nghề nghiệp theo sự chuẩn mực.

Enhancing the professionalism of human resources, building an elite workforce, and enhancing professional ethics in accordance with standards.

- Áp dụng linh động các gói khuyến khích đối với nhân viên tuyến đầu để tạo động lực tăng trưởng doanh thu, thị phần.

Implementing flexible incentive packages for frontline employees to drive revenue growth and market share expansion.

- Củng cố, chăm sóc tốt những khách hàng hiện có và phát triển có trọng tâm các khách hàng mới đặc biệt là các tổ chức và các cá nhân có chọn lọc.

Strengthening relationships with existing clients, providing excellent care, and strategically developing new clients, particularly selected institutional and individual clients.

- Tận dụng các mối quan hệ của cổ đông lớn để tăng tính hỗ trợ giúp đỡ nhằm tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận.

Leveraging relationships with major shareholders to strengthen support and promote revenue and profit growth.

- Kiện toàn hệ thống Công nghệ thông tin, ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong hoạt động quản trị và phục vụ khách hàng.

Improving the information technology system and applying advanced technologies in management and customer service operations.

❖ Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/ *Corporate objectives with regard to corporate environment, society and community sustainability:*

- Duy trì hoạt động thiện nguyện định kỳ, tham gia các chương trình vì cộng đồng nhằm chung tay và san sẻ những với những hoàn cảnh khó khăn trong xã hội.

Maintaining regular charitable activities, participating in community programs to support disadvantaged communities.

- Hỗ trợ ứng chủ trương xây dựng môi trường làm việc xanh, hạn chế tối đa việc sử dụng các sản phẩm nhựa dùng một lần và tăng cường trang trí cây xanh khu vực làm việc.

Supporting the initiative to create a green work environment by minimizing the use of single-use plastic products and increasing green plants in the workplace.

1.6 Các rủi ro/ Risks

- Sự tấn công mạng và an toàn thông tin.
Cyberattacks and information security risks.
- Sự thay đổi công nghệ.
Technological changes.
- Sự bất ổn của nền kinh tế trong nước nói riêng và trong khu vực nói chung.
Domestic and regional economic instability.
- Sự thay đổi của chính sách và pháp luật.
Changes in policies and regulations.
- Biến động nhân sự trong ngành.
Workforce fluctuations in the industry.
- Tình hình thiên tai.
Natural disasters.
- Tình hình dịch bệnh.
Pandemic situations.

2. Tình hình hoạt động trong năm/ Operations in the year

2.1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Situation of production and business operations

❖ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ Results of business operations in the year:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hợp nhất năm 2025 của Công ty ghi nhận lãi 12,04 tỷ đồng, trong khi năm 2024 ghi nhận lãi 57,04 tỷ đồng, giảm 45,00 tỷ đồng, tương ứng giảm 78,9% so với cùng kỳ năm 2024. Sự biến động này chủ yếu xuất phát từ việc tổng chi phí tăng mạnh hơn mức tăng của tổng doanh thu trong năm 2025.

The Company's consolidated profit after corporate income tax for 2025 was VND 12.04 billion, compared to VND 57.04 billion in 2024, representing a decrease of VND 45.00 billion, equivalent to a decrease of 78.9% compared to the same period in 2024. This fluctuation was mainly attributable to the fact that the increase in total expenses significantly exceeded the growth in total revenue in 2025.

- Về doanh thu/ Revenue:

Tổng doanh thu năm 2025 đạt 397,61 tỷ đồng, tăng 165,69 tỷ đồng, tương ứng 71,4% so với năm 2024 (231,91 tỷ đồng). Biến động doanh thu chủ yếu đến từ các khoản mục sau:

Total revenue in 2025 reached VND 397.61 billion, increasing by VND 165.69 billion, equivalent to 71.4% compared to 2024 (VND 231.91 billion). The fluctuation in revenue mainly resulted from the following items:

- Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) đạt 205,57 tỷ đồng, tăng 132,05 tỷ đồng so với năm 2024, tương ứng tăng 179,6%. Khoản mục này tăng chủ yếu do hiệu quả hoạt động đầu tư, kinh doanh tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ trong năm 2025 cao hơn năm trước.

Gains from financial assets at fair value through profit or loss (FVTPL) amounted to VND 205.57 billion, an increase of VND 132.05 billion, representing a rise of 179.6% compared to 2024. This increase was mainly due to improved performance of investment and trading activities of financial assets measured at fair value through profit or loss in 2025 compared to the prior year.

- Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) đạt 49,39 tỷ đồng, tăng 35,57 tỷ đồng, tương ứng tăng 257,4% so với năm 2024. Mức tăng này chủ yếu phản ánh quy mô danh mục đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và thu nhập lãi từ các khoản đầu tư này tăng so với cùng kỳ.

Interest income from held-to-maturity investments (HTM) amounted to VND 49.39 billion, increasing by VND 35.57 billion, equivalent to an increase of 257.4% compared to 2024. This increase mainly reflects the expansion of the held-to-maturity investment portfolio and higher interest income from these investments compared to the same period.

- Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán đạt 34,60 tỷ đồng, tăng 4,44 tỷ đồng, tương ứng tăng 14,7% so với năm 2024, phản ánh sự cải thiện của hoạt động môi giới trong năm.

Brokerage revenue amounted to VND 34.60 billion, increasing by VND 4.44 billion, equivalent to an increase of 14.7% compared to 2024, reflecting an improvement in brokerage activities during the year.

- Lãi từ các khoản cho vay và phải thu đạt 88,67 tỷ đồng, tăng 4,52 tỷ đồng, tương ứng tăng 5,4% so với năm trước, chủ yếu do dư nợ cho vay và doanh thu lãi liên quan tăng so với cùng kỳ.

Income from loans and receivables amounted to VND 88.67 billion, increasing by VND 4.52 billion, equivalent to an increase of 5.4% compared to the prior year, mainly due to an increase in outstanding loan balances and related interest income compared to the same period.

- Doanh thu hoạt động tài chính đạt 1,88 tỷ đồng, tăng 0,27 tỷ đồng, tương ứng tăng 16,4% so với năm trước.

Financial income amounted to VND 1.88 billion, increasing by VND 0.27 billion, equivalent to an increase of 16.4% compared to the prior year.

- Bên cạnh các khoản mục tăng nêu trên, khoản mục Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) đạt 9,68 tỷ đồng, giảm 10,40 tỷ đồng, tương ứng giảm 51,8% so với năm 2024.

In addition to the above increases, gains from available-for-sale financial assets (AFS) amounted to VND 9.68 billion, decreasing by VND 10.40 billion, equivalent to a decrease of 51.8% compared to 2024.

Nhìn chung, doanh thu năm 2025 của Công ty tăng đáng kể so với năm 2024, chủ yếu nhờ tăng trưởng ở các khoản mục FVTPL và HTM.

Overall, the Company's revenue in 2025 increased significantly compared to 2024, mainly driven by growth in FVTPL and HTM items

- Về chi phí/ Expenses:

Tổng chi phí năm 2025 là 383,14 tỷ đồng, tăng 210 tỷ đồng, tương ứng 121,3% so với năm 2024 (173,14 tỷ đồng). Trong đó:

Total expenses in 2025 amounted to VND 383.14 billion, increasing by VND 210 billion, equivalent to 121.3% compared to 2024 (VND 173.14 billion). In particular:

- Chi phí hoạt động đạt 276,04 tỷ đồng, tăng 199,86 tỷ đồng, tương ứng tăng 262,3% so với năm trước. Đây là khoản mục có mức biến động lớn nhất và là nguyên nhân chủ yếu làm suy giảm lợi nhuận năm 2025.

Operating expenses amounted to VND 276.04 billion, increasing by VND 199.86 billion, equivalent to an increase of 262.3% compared to the prior year. This was the item with the largest fluctuation and was the primary factor leading to the decline in profit in 2025.

- Chi phí tài chính là 56,88 tỷ đồng, tăng 12,22 tỷ đồng, tương ứng tăng 27,4% so với năm 2024.

Financial expenses amounted to VND 56.88 billion, increasing by VND 12.22 billion, equivalent to an increase of 27.4% compared to 2024.

- Chi phí quản lý công ty chứng khoán là 47,04 tỷ đồng, giảm 3,21 tỷ đồng, tương ứng giảm 6,4% so với năm trước.

Administrative expenses of the securities company amounted to VND 47.04 billion, decreasing by VND 3.21 billion, equivalent to a decrease of 6.4% compared to the prior year.

- Mặc dù doanh thu năm 2025 tăng mạnh, mức tăng của chi phí, đặc biệt là chi phí hoạt động lớn hơn đáng kể so với mức tăng doanh thu. Do đó, Công ty ghi nhận lãi sau thuế 12,04 tỷ đồng trong năm 2025, giảm 78,9% so với năm 2024.

Although revenue in 2025 increased significantly, the increase in expenses - particularly operating expenses - was considerably higher than the increase in revenue. As a result, the Company recorded a profit after tax of VND 12.04 billion in 2025, representing a decrease of 78.9% compared to 2024.

- ❖ Tình hình thực hiện so với kế hoạch/ *Implementation situation/ actual progress against the plan:*

So với kế hoạch lợi nhuận được Đại hội đồng cổ đông thông qua, kết quả lợi nhuận đạt được năm 2025 chưa đạt kế hoạch đặt ra. Theo đó, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế hợp nhất tương ứng chỉ đạt 11,6% và 12,0% so với kế hoạch đặt ra cho năm 2024.

Compared to the profit plan approved by the General Meeting of Shareholders, the profit results achieved in 2024 fell short of the set target. Accordingly, consolidated pre-tax profit and after-tax profit reached only 11.6% and 12.0% respectively, of the planned figures for 2024.

2.2 Tổ chức và nhân sự/ *Organization and Human resources*

- ❖ Danh sách Ban điều hành/ *List of the Board of Management:*

- **NGUYỄN ĐỨC HIẾU/ NGUYEN DUC HIEU**

- ✓ Chức vụ: Tổng giám đốc
Position: General Director
- ✓ Chuyên môn: Thạc sỹ - Berlin School of Economics and Law
Specialization: Master's Degree - Berlin School of Economics and Law
Cử nhân kiểm toán – Đại học Kinh tế Quốc dân
Bachelor's Degree in Auditing – National Economics University
- ✓ Quá trình công tác:
Work Experience:
 - 2006 – 2010: Trưởng bộ phận – Công ty chứng khoán Ngân hàng Á Châu
Head of Department - Asia Commercial Bank Securities Co.
 - 2010 – 2016: Phó giám đốc Quản lý danh mục đầu tư – Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI
Deputy General Director of Portfolio Management - SSI Asset Management Company Limited
 - 2017 – 07/2018: Phó Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tư Vấn Đầu tư Sài Gòn 3

Deputy General Director - Saigon 3 Investment Consultancy Trading and Service JSC

06/2018 – 12/2018: TV. HĐQT – Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công
Member of BOD – ThanhCong Securities Company

12/2018 – Hiện tại: Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Chứng Khoán Thành Công
General Director - ThanhCong Securities Company

- ✓ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty: 0%.
Ownership of voting shares in the Company: 0%.

• **TRỊNH TẤN LỰC/ TRINH TAN LUC**

- ✓ Chức vụ: Phó Tổng giám đốc
Position: Deputy General Director
- ✓ Chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng – Đại Học Mở TP.HCM
Specialization: Master's Degree in Finance and Banking – HCM City Open University
 Cử nhân Quản lý Công nghiệp – Đại học Bách khoa TP.HCM
Bachelor's Degree in Industrial Management – HCM City University of Technology
 Cử nhân Luật kinh tế – Đại học Mở TP.HCM
Bachelor's Degree in Economic Law - HCM City Open University
- ✓ Quá trình công tác:
Work Experience:
 - 2002 – 03/2005: Trưởng ca sản xuất – Hualon Corporation Vietnam
Production Team Leader - Hualon Corporation Vietnam
 - 04/2005 – 05/2007: Chuyên viên hệ thống QLCL – Công ty Cổ phần Dệt may Thành Công
Quality Management System Specialist - Thanh Cong Textile Garment JSC
 - 05/2007 - 02/2008: Trưởng Phòng Cơ lý Xưởng nhuộm – Công ty Cổ phần Dệt may Thành Công
Head of Mechanical Testing Department, Dyeing Workshop - Thanh Cong Textile Garment JSC
 - 02/2008 – 08/2017: Trưởng BP SOP – Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công
SOP Department Head - ThanhCong Securities Company
 - 05/2013 – 08/2017: Thư ký Công ty – Công ty Cổ phần Chứng Khoán Thành Công
Company Secretary - ThanhCong Securities Company
 - 02/2014 – 08/2017: Trưởng BP Quản trị Rủi ro – Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công
Head of Risk Management Department – ThanhCong Securities Company

- 08/2017 – 12/2018: Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công
General Director - ThanhCong Securities Company
- 12/2018 – 01/2020: Giám đốc điều hành – Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công
Chief Executive Officer - ThanhCong Securities Company
- 02/2020 – 04/2022: Phó Tổng Giám đốc, Thư ký Công ty – Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công
Deputy General Director, Company Secretary – ThanhCong Securities Company
- 04/2022 – Hiện tại: Phó Tổng Giám đốc, Thư ký Công ty kiêm Người phụ trách quản trị Công ty – Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công
Deputy General Director, Company Secretary & Corporate Governance Officer – ThanhCong Securities Company
- 04/2022 – Currently: *Deputy General Director, Company Secretary & Corporate Governance Officer – ThanhCong Securities Company*
- ✓ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty: 0,006%.
Ownership of voting shares in the Company: 0,006%.

• **PHẠM VIỆT LAN ANH/ PHAM VIET LAN ANH**

- ✓ Chức vụ: Giám đốc Tài chính
Position: Chief Financial Officer
- ✓ Chuyên môn: Tài chính - Trường Đại học Quốc gia Singapore (NUS)
Specialization: Finance - National University of Singapore (NUS)
- Tài chính - Học viện CFA
Finance - CFA Institute
- ✓ Quá trình công tác:
Work Experience:
- 2007 – 2008: Chuyên viên Phân tích Kinh doanh – Ngân hàng Citibank, Singapore
Business Analyst – Citibank, Singapore
- 2008 – 2009: Chuyên viên Phân tích thị trường – Thomson Reuters, Singapore
Market Analyst – Thomson Reuters, Singapore
- 2009 – 2011: Phó phòng phân tích – Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
Deputy Head of Analysis Department – Bao Viet Securities JSC
- 2011 – 2016: Quản lý đầu tư – Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Bản Việt
Investment Manager – Viet Capital Asset Management JSC
- 2017: Quản lý đầu tư – Maj Invest Vietnam
Investment Manager – Maj Invest Vietnam
- 2018: Giám đốc đầu tư – Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tư Vấn Đầu tư Sài Gòn 3
Investment Director – Saigon 3 Investment Consulting Services JSC

- 2019 – 11/2023: Giám đốc tài chính – Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean
Chief Financial Officer - Saigon 3 Jean Company Limited
- 05/2023 – Hiện tại: Giám đốc Tài chính – Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công
05/2023 – Currently: Chief Financial Officer – ThanhCong Securities Company
- ✓ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty: 0,003%.
Ownership of voting shares in the Company: 0,003%.

• **NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO/ NGUYEN THI PHUONG THAO**

- ✓ Chức vụ: Kế toán trưởng
Position: Chief Accountant
- ✓ Chuyên môn: Thạc sỹ kế toán – Đại học kinh tế TP.HCM
Specialization: Master's Degree in Accounting – University of Economics HCM City
- ✓ Quá trình công tác:
Work Experience:
- 09/2007 – 02/2009: Chuyên viên kế toán thuế – Công ty TNHH Orange Fashion
Tax Accountant – Orange Fashion Limited Liability Company
- 02/2009 – 03/2010: Kế toán tổng hợp – CTCP Hóa Dầu CNC Hi-pec
General Accountant – CNC Hi-pec Petrochemical JSC
- 03/2010 – 07/2012: Chuyên viên quan hệ khách hàng doanh nghiệp – Ngân hàng TMCP Á Châu
Corporate Relationship Officer – Asia Commercial Bank (ACB)
- 08/2012 – 05/2017: Kế toán tổng hợp – CTCP Ngoại Thương và Phát Triển Đầu Tư Tp.HCM
General Accountant – HCM City Foreign Trade and Investment Development JSC
- 05/2017 – 10/2017: Kế toán tổng hợp – CTCP Bất Động Sản Tiến Phước
General Accountant – Tien Phuoc Real Estate JSC
- 10/2017 – 12/2017: Kế toán trưởng – CTCP Thương mại Bất Động Sản Sài Gòn 3
Chief Accountant – Saigon 3 Real Estate Trading JSC
- 06/2018 – 05/2022: Giám đốc tài chính – Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công
Chief Financial Officer - ThanhCong Securities Company
- 06/2022 – Hiện tại: Kế toán trưởng – Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công
06/2022 – Currently: Chief Accountant - ThanhCong Securities Company
- ✓ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty: 0%.
Ownership of voting shares in the Company: 0%.

❖ Những thay đổi trong Ban điều hành/ *Changes in the Board of Management:*

Không có/ *None.*

❖ Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách người lao động năm 2025/ *Number of Employees and Employee Policies in 2025:*

- **Tổng số nhân sự tính tại thời điểm 31/12/2025: 72 cán bộ nhân viên (báo cáo hợp nhất).**

Total number of employees as of December 31, 2025: 72 employees (as per consolidated report).

- **Chính sách đối với người lao động/ *Employee Policies:***

- Hỗ trợ chi phí điện thoại di động, đồng phục, chi phí gửi xe, tiền ăn trưa.
Support for mobile phone expenses, parking fees, uniforms and lunch allowances.
- Chúc mừng đám cưới, sinh con, sinh nhật, ...
Wedding, childbirth, and birthday congratulations, ...
- Khám sức khỏe định kỳ hàng năm.
Annual health check-ups.
- Gói bảo hiểm sức khỏe hàng năm.
Annual health insurance package.
- Tổ chức các hoạt động phong trào: ngày Quốc tế phụ nữ, ngày Phụ nữ Việt Nam, Noel, Tất niên, hoạt động teambuilding hàng năm, ...
Organizing community activities: International Women's Day, Vietnamese Women's Day, Christmas, Year-end party, and annual team building events, ...
- Lì xì Tết âm lịch cho tất cả nhân viên.
Lunar New Year's lucky money for all employees.
- Các chính sách khác theo quy định của nhà nước và pháp luật.
Other policies as per state regulations and the law.

2.3 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/ *Investment activities, project implementation*

a) Các khoản đầu tư lớn/ *Major investments:*

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) theo báo cáo tài chính riêng là 529,0 tỷ đồng. Toàn bộ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) này là cổ phiếu niêm yết.

The fair value of available-for-sale (AFS) financial assets, as presented in the separate financial statements, was VND 529.0 billion. All such AFS financial assets were listed shares.

Ủy thác đầu tư cho Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công là 4,14 tỷ đồng. Đây là khoản ủy thác đầu tư cho Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công theo Hợp đồng ủy thác đầu tư Số 01/2023/HDUT/TC02PS2S-TCAM ngày 25 tháng 9 năm 2023. Theo đó, Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công sẽ đảm nhận vai trò là đầu mối liên lạc với khách hàng, đứng danh chủ sở hữu tài sản theo danh mục đầu tư.

The entrusted investment to Thanh Cong Asset Management Company Limited amounts to VND 4.14 billion. This entrustment investment was made under Investment Entrustment Contract No. 01/2023/HDUT/TC02PS2S-TCAM dated September 25, 2023. Accordingly, Thanh Cong Asset Management Company Limited acts as the liaison with clients and holds ownership of assets under the investment portfolio.

b) Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*

❖ **Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công (TCAM)**

Thanh Cong Asset Management Company Limited (TCAM)

- Hoạt động kinh doanh chính: Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

Core business activities: Securities investment fund management, securities portfolio management, and securities investment advisory.

- Tình hình tài chính/ *Financial performance*:

Tổng Doanh thu năm 2025 đạt 69,86 tỷ đồng, tăng 36,4 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2024, tương đương mức tăng 108,79%. Mức tăng doanh thu chủ yếu đến từ doanh thu hoạt động kinh doanh tăng 157,85%, hoạt động tài chính tăng 77,66% và thu nhập khác tăng 156,36%.

Total revenue in 2025 reached VND 69.86 billion, an increase of VND 36.4 billion compared to 2024, representing a growth rate of 108.79%. The increase in revenue was mainly driven by a 157.85% increase in operating income, a 77.66% increase in financial income, and a 156.36% increase in other income.

Tổng Chi phí năm 2025 ghi nhận 19,59 tỷ đồng, tăng 11,35 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2024, tương đương mức tăng 137,89%. Chi phí tăng chủ yếu do tăng chi phí hoạt động tài chính hơn 9,34 tỷ đồng (404,21%).

Total expenses in 2025 amounted to VND 19.59 billion, an increase of VND 11.35 billion compared to 2024, equivalent to a growth rate of 137.89%. The increase in expenses was primarily driven by a rise in financial expenses of more than VND 9.34 billion (404.21%).

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025 của Công ty đạt 40,73 tỷ đồng, tăng 15,5 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2024 đạt 25,23 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 61,44%.

Profit after corporate income tax in 2025 reached VND 40.73 billion, an increase of VND 15.5 billion compared to 2024 (VND 25.23 billion), corresponding to a growth rate of 61.44%.

❖ **Quỹ đầu tư Thành Công (TCIF)**

Thanh Cong Investment Fund (TCIF)

- Hoạt động kinh doanh chính: Đầu tư vào chứng khoán hoặc các dạng tài sản đầu tư khác, kể cả bất động sản.

Core business activities: Investing in securities and other investment assets, including real estate.

- Tình hình tài chính/ *Financial performance*:

- Thu nhập từ hoạt động đầu tư đã thực hiện năm 2025 đạt 12,60 tỷ đồng, tăng 18,9% so với năm 2024 (10,60 tỷ đồng).

Realized investment income in 2025 reached VND 12.60 billion, representing an 18.9% increase compared to 2024 (VND 10.60 billion).

- Chi phí hoạt động năm 2025 là 1,37 tỷ đồng, tăng 28,0% so với năm 2024 (1,07 tỷ đồng).

Operating expenses in 2025 amounted to VND 1.37 billion, up 28.0% from 2024 (VND 1.07 billion).

- Kết quả hoạt động năm 2025 đạt 16,24 tỷ đồng, bao gồm: Lợi nhuận đã thực hiện: 11,23 tỷ đồng và Lợi nhuận chưa thực hiện: 5,01 tỷ đồng chủ yếu phát sinh từ hoạt động đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán cuối kỳ.

Total performance for 2025 was VND 16.24 billion, including: Realized profit: VND 11.23 billion and Unrealized profit: VND 5.01 billion mainly arising from the revaluation of investment securities at period-end.

2.4 Tình hình tài chính/ *Financial situation:*

a) Tình hình tài chính/ *Financial situation*

Đơn vị tính: đồng
Unit: VND

Chỉ tiêu/ Indicators	Năm/ Year 2024	Năm/ Year 2025	% tăng/giảm/ % change
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	2.216.064.210.338	3.016.632.784.223	+36,1%
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	228.816.678.549	395.110.202.132	+72,7%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from business activities</i>	59.340.326.183	17.031.147.435	-71,3%
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	(569.881.803)	(2.566.203.416)	-350,3%
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	58.770.444.380	14.464.944.019	-75,4%
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	57.042.139.075	12.041.804.967	-78,9%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i>	-	-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu/ <i>Basic earnings per share</i> (đồng/ cổ phiếu)/ (VND/ 1 share)	491	101	-79,4%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ *Major financial indicators*

Các chỉ tiêu/ Indicators	Năm/ Year 2024	Năm/ Year 2025	Ghi chú/ Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio</i> (Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn) (<i>Short term Asset/ Short term debt</i>)	2,17	1,79	
Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio</i> (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/ (<i>Short term Asset – Inventories</i>) (Nợ ngắn hạn)/ (<i>Short term Debt</i>)	2,17	1,79	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)/ <i>Capital structure Ratio</i>			
Hệ số nợ/ Tổng tài sản (<i>Debt/ Total assets ratio</i>)	43,64	53,52	
Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/ Owner's Equity ratio</i>)	77,44	115,18	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ <i>Operation capability Ratio</i>			

Các chỉ tiêu/ Indicators	Năm/ Year 2024	Năm/ Year 2025	Ghi chú/ Note
Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover</i> (Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân)/ (<i>Cost of goods sold/ Average inventory</i>)	Không áp dụng <i>Not applicable</i>	Không áp dụng <i>Not applicable</i>	
Vòng quay tổng tài sản/ <i>Total asset turnover</i> Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân (<i>Net revenue/ Average Total Assets</i>)	0,10	0,15	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ <i>Profitability</i>			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (<i>Profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)	24,93	3,05	
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (<i>Profit after tax/ Total capital Ratio</i>)	4,6	0,86	
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (<i>Profit after tax/ Total assets Ratio</i>)	2,57	0,40	
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần (<i>Profit from business activities/ Net revenue Ratio</i>)	25,93	4,31	

2.5 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Shareholders structure, change in the owner's equity.*

a) Cổ phần/ *Shares:*

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 115.620.964 cổ phần phổ thông tự do chuyển nhượng.
Total outstanding shares: 115,620,964 freely transferable common shares.

b) Cơ cấu cổ đông/ *Shareholder structure:*

Tổng số cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông gần nhất là 3.780 cổ đông (*theo Danh sách cổ đông chốt tại ngày 24 tháng 03 năm 2026*). Cơ cấu cổ đông được phân theo: Tỷ lệ sở hữu cổ đông lớn (chiếm từ 5% tổng số cổ phần trở lên), cổ đông nhỏ khác; Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài.

The total number of shareholders as of the most recent shareholder record date was 3,780 (based on the shareholder list finalized on March 24, 2026). The shareholder structure is categorized as follows: the ownership ratio of major shareholders (holding 5% or more of total shares) and other minor shareholders; institutional shareholders and individual shareholders; domestic shareholders and foreign shareholders.

• **Phân theo tỉ lệ sở hữu/ *Specify by ownership percentages***

Tổng số cổ đông lớn là 01 cổ đông, nắm giữ 63.351.059 cổ phần tương đương 54,79% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của TCSC.

The total number of major shareholders is 01 shareholder, holding 63,351,059 shares, equivalent to 54.79% of TCSC's total voting shares.

TT No.	Tên cổ đông Shareholder name	Số lượng cổ phần nắm giữ Number of shares held	Tỷ lệ/ Ratio
1	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ SÀI GÒN 3 CAPITAL SAIGON 3 CAPITAL INVESTMENT COMPANY LIMITED	63.351.059	54,79%
2	CỔ ĐÔNG KHÁC OTHER SHAREHOLDERS	52.269.905	45,21%
	Tổng cộng/ Total	115.620.964	100,00%

• **Phân theo cổ đông tổ chức – cá nhân/ Specify by institutional and Individual shareholders**

Tổng số cổ đông tổ chức là 18 và nắm giữ tổng cộng 77.647.422 cổ phần chiếm 67,16% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của TCSC. Còn lại là cổ đông cá nhân; số lượng cổ đông là 3.762 cổ đông nắm giữ 37.973.542 cổ phần chiếm 32,84% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

The total number of institutional shareholders is 18, holding a total of 77.647.422 shares; accounting for approximately 67,16% of TCSC's total voting shares. The remaining are individual shareholders; with a total of 3.762 shareholders holding 37.973.542 shares, representing 32,84% of the total voting shares.

• **Phân theo cổ đông trong nước – nước ngoài/ Specify by domestic and foreign shareholders**

Số lượng cổ đông trong nước chiếm đa số, cụ thể, số lượng cổ đông trong nước là 3.760 cổ đông nắm giữ 94,90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; phần còn lại là cổ đông nước ngoài, số lượng là 20 cổ đông, nắm giữ tỷ lệ 5,10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của TCSC.

Most shareholders are domestic shareholders. Specifically, there are 3,760 domestic shareholders, holding 94,90% of the total voting shares. The remaining shareholders are foreign shareholders, with a total of 20 shareholders, holding 5,10% of TCSC's total voting shares.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity:*

Không có/ *None.*

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks:*

Không có/ *None.*

e) Các chứng khoán khác/ *Other securities:*

Không có/ *None.*

2.6 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty/ *Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company:*

a) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ *Compliance with the law on environmental protection:*

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/
Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.

Không có/ *None.*

- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/
The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.

Không có/ *None.*

b) Chính sách liên quan đến người lao động/ *Policies related to employees:*

- Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/
Number of employees, average wages of workes.

- o Số lượng lao động: 72 người.

Number of employees: 72.

- o Mức lương trung bình đối với người lao động: 39,77 triệu đồng/người/tháng (bao gồm lương, thưởng hiệu suất).

Average income per employee: VND 39.77 million per person per month (including salary and performance-based bonuses).

Công ty xác định con người là nền tảng cốt lõi trong chiến lược phát triển, đồng thời là yếu tố quyết định năng lực thích ứng và tăng trưởng bền vững.

The Company considers human resources as the core foundation of its development strategy and a key factor determining its adaptability and sustainable growth.

Chính sách tiền lương được xây dựng theo nguyên tắc cạnh tranh thị trường, công bằng nội bộ và gắn với hiệu quả công việc, được lượng hóa thông qua hệ thống đánh giá hiệu suất (KPI). Thu nhập bình quân đạt khoảng 39,77 triệu đồng/người/tháng (bao gồm lương và thưởng hiệu suất), đảm bảo tính cạnh tranh so với mặt bằng chung của ngành và tạo động lực cho người lao động không ngừng nâng cao năng suất.

The remuneration policy is developed based on the principles of market competitiveness, internal equity, and performance linkage, measured through a key performance indicator (KPI) system. The average income is approximately VND 39.77 million per person per month (including salary and performance-based bonuses), ensuring competitiveness with industry benchmarks and motivating employees to continuously improve productivity.

Bên cạnh đó, Công ty chú trọng hoàn thiện chính sách đãi ngộ toàn diện nhằm thu hút, phát triển và giữ chân đội ngũ nhân sự chất lượng cao, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và giá trị doanh nghiệp.

In addition, the Company focuses on enhancing a comprehensive remuneration and benefits framework to attract, develop, and retain high-quality talent, thereby contributing to improved operational efficiency and corporate value.

- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/
Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.

Công ty luôn chú trọng xây dựng môi trường làm việc an toàn, lành mạnh và giàu tính gắn kết, xem đây là nền tảng quan trọng để nâng cao hiệu quả làm việc và phát triển bền vững. Trong năm 2025, Công ty đã triển khai đồng bộ các chính sách và chương trình chăm lo đời sống người lao động, bao gồm:

The Company consistently places strong emphasis on building a safe, healthy, and cohesive working environment, considering it a key foundation for enhancing operational

efficiency and achieving sustainable development. In 2025, the Company implemented various policies and programs to support employee well-being, including:

- Duy trì trang bị bảo hiểm sức khỏe và tai nạn cho toàn bộ cán bộ nhân viên, góp phần nâng cao khả năng bảo vệ và chăm sóc sức khỏe toàn diện.
Maintaining health and accident insurance coverage for all employees, contributing to comprehensive healthcare protection.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm tại các cơ sở y tế uy tín, đảm bảo theo dõi và phòng ngừa rủi ro sức khỏe.
Organizing annual health check-ups at reputable medical institutions to ensure health monitoring and risk prevention.
- Duy trì chương trình du lịch thường niên nhằm tái tạo năng lượng và tăng cường sự gắn kết nội bộ.
Maintaining annual company trips to rejuvenate employees and strengthen internal cohesion.
- Triển khai Chương trình xây dựng Văn hóa doanh nghiệp “TCSC – Người làm chủ”, đồng thời tổ chức nhiều hoạt động thi đua văn hóa, thể dục thể thao nội bộ.
Implementing the corporate culture program “TCSC – Ownership Mindset”, along with various internal cultural, sports, and engagement activities.

Thông qua các hoạt động trên, Công ty không chỉ nâng cao sức khỏe thể chất và tinh thần của người lao động mà còn từng bước xây dựng môi trường làm việc tích cực, chủ động và gắn kết, nơi mỗi cá nhân được khuyến khích phát huy vai trò làm chủ và đóng góp vào sự phát triển chung của tổ chức.

Through these initiatives, the Company not only enhances employees’ physical and mental well-being but also gradually fosters a positive, proactive, and cohesive working environment, where each individual is encouraged to take ownership and contribute to the overall development of the organization.

- Hoạt động đào tạo người lao động/ *Employee training:*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ *The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff*

Công ty Chứng khoán Thành Công xác định đào tạo là một trong những trụ cột quan trọng nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng thích ứng của tổ chức trong bối cảnh thị trường tài chính liên tục biến động.

ThanhCong Securities Company considers training as one of the key pillars for enhancing its competitiveness and adaptability in the context of a continuously evolving financial market.

Hoạt động đào tạo được triển khai theo định hướng liên tục - thực tiễn - gắn với nhu cầu công việc, với tổng thời lượng đào tạo bình quân đạt 28 giờ/người/năm. Trong đó cấp Quản lý đạt 36 giờ/người/năm, cấp Nhân viên đạt 23 giờ/người/năm.

Training activities are implemented based on the principles of continuity, practicality, and alignment with job requirements, with an average training duration of 28 hours per employee per year. Of which, management-level employees average 36 hours per person per year, while staff-level employees average 23 hours per person per year.

Bên cạnh đó, Công ty từng bước thúc đẩy văn hóa tự học và phát triển chủ động, thông qua các nền tảng học tập trực tuyến, với thời lượng tự học bình quân đạt khoảng 11 giờ/người/tháng.

In addition, the Company has been progressively promoting a culture of self-learning and proactive development through online learning platforms, with an average self-learning duration of approximately 11 hours per employee per month.

- o Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ *The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

Trong năm 2025, Công ty triển khai đồng bộ các chương trình đào tạo, bao gồm:

In 2025, the Company implemented a comprehensive range of training programs, including:

- + Đào tạo thường xuyên chuyên môn chứng khoán, phân tích đầu tư đảm bảo cập nhật kiến thức và nâng cao năng lực nghiệp vụ và tham gia thi sát hạch để cấp Chứng chỉ hành nghề chứng khoán.

Regular training in securities expertise and investment analysis to ensure continuous knowledge updates, enhance professional capabilities, and support employees in obtaining securities practice certificates.

- + 100% cán bộ nhân viên được bồi dưỡng nghiệp vụ pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán và đào tạo về ứng dụng AI trong kinh doanh, nhằm nâng cao năng lực tuân thủ và thích ứng với xu hướng công nghệ.

100% of employees received training in securities-related legal regulations and AI applications in business, aiming to strengthen compliance capabilities and adaptability to technological trends.

- + Tổ chức các chương trình nâng cao kỹ năng quản lý nhân sự dành cho đội ngũ kế thừa, góp phần phát triển nguồn lực lãnh đạo trong tương lai.

Organizing programs to enhance human resource management skills for successor personnel, contributing to the development of future leadership resources.

Những chương trình này phản ánh chất lượng nguồn nhân lực và cam kết của Công ty trong việc xây dựng đội ngũ chuyên nghiệp, đáp ứng các tiêu chuẩn ngày càng cao của thị trường.

These programs reflect the quality of the Company's human resources and its commitment to building a professional workforce that meets the increasingly demanding standards of the market.

- c) Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ *Report on responsibility for local community:*

Công ty luôn gắn trách nhiệm đối với xã hội, với cộng đồng bằng những hành động cụ thể như: hoàn thành tốt nghĩa vụ thuế, nghĩa vụ nộp quỹ phòng chống thiên tai. Tích cực tham gia ủng hộ các chương trình từ thiện, thiện nguyện cho trẻ em mồ côi và người già neo đơn,

The Company always upholds its responsibility to society and the community through concrete actions, such as fulfilling tax obligations and disaster prevention and control funds. The Company also actively participates in charitable programs, supporting orphans and the elderly in need, ...

Trong năm 2025, hơn 4.300 phần quà an sinh đã được trao tới các hoàn cảnh khó khăn; 23 căn nhà tình thương được xây dựng, giúp nhiều gia đình ổn định cuộc sống; đồng thời, 02 cây cầu “Chứng khoán Thành Công” được hoàn thành, góp phần cải thiện hạ tầng giao thông và tăng cường kết nối địa phương. Những kết quả này thể hiện rõ cam kết của Công ty trong việc lan tỏa giá trị “Thiện Tâm” và đóng góp tích cực cho sự phát triển bền vững của xã hội.

In 2025, more than 4,300 social welfare gifts were delivered to disadvantaged individuals and communities; 23 charity houses were constructed, helping many families stabilize their living conditions; and two “ThanhCong Securities” bridges were completed, contributing to improved transport infrastructure and enhanced local connectivity. These achievements clearly demonstrate the Company’s commitment to promoting the value of “Compassion” and making meaningful contributions to sustainable social development.

- d) Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/
Report on green capital market activities under the guidance of the SSC.

Năm 2025, TCSC chưa tham gia thị trường vốn xanh.

In 2025, TCSC did not participate in the green capital market.

3. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Reports and assessments of the Board of Management

3.1 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ Assessment of operating results

- ❖ Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây/ *General analysis of company’s operations against the previous operating targets and results:*

Trong năm 2025, Công ty ghi nhận sự tăng trưởng mạnh về quy mô hoạt động, đặc biệt là doanh thu, tuy nhiên kết quả lợi nhuận chưa đạt kỳ vọng của Ban Tổng Giám đốc do áp lực chi phí gia tăng và biến động bất lợi của thị trường tài chính. Các yếu tố như biến động lãi suất, rủi ro từ danh mục đầu tư và chi phí vốn tăng cao đã ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả kinh doanh của Công ty:

In 2025, the Company recorded significant growth in operational scale, particularly in revenue. However, profitability did not meet the expectations of the Board of Management due to rising cost pressures and unfavorable fluctuations in financial markets. Factors such as interest rate volatility, investment portfolio risks, and increased funding costs had a substantial impact on the Company’s business performance:

- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 14,5 tỷ đồng.
Consolidated pre-tax profit of VND 14.5 billion.
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất là hơn 12,0 tỷ đồng.
Consolidated after-tax profit of over VND 12.0 billion.

So với kết quả thực hiện năm 2024, tổng doanh thu và thu nhập khác ghi nhận 395,1 tỷ đồng, tăng 71,4%, trong đó doanh thu hoạt động đạt 395,1 tỷ đồng, tăng mạnh so với mức 228,8 tỷ đồng của năm trước. Tuy nhiên, tổng chi phí năm 2025 tăng đột biến lên 379,6 tỷ đồng, tương đương mức tăng hơn 100% so với năm 2024, chủ yếu do gia tăng chi phí hoạt động, chi phí tài chính và lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL). Điều này dẫn đến lợi nhuận trước thuế và sau thuế giảm mạnh lần lượt 75,4% và 78,9% so với năm 2024.

Compared to 2024, total revenue and other income reached VND 395.1 billion, up 71.4%, with operating revenue significantly increasing from VND 228.8 billion in the previous year. However, total expenses surged to VND 379.6 billion, representing an increase of over 100% year-on-year, mainly driven by higher operating expenses, financial costs, and losses from financial assets at fair value through profit or loss (FVTPL). As a result, pre-tax and after-tax profits decreased significantly by 75.4% and 78.9%, respectively, compared to 2024.

- ❖ Những tiến bộ công ty đã đạt được/ *The Company’s achievements:*

Bên cạnh những thách thức từ thị trường, trong năm 2025 Công ty tiếp tục ghi nhận nhiều tiến bộ quan trọng trong việc phát triển hoạt động kinh doanh và nâng cao năng lực vận hành. Công ty đã mở rộng đáng kể quy mô danh mục đầu tư, tăng cường hoạt động tự doanh và cho vay ký quỹ, qua đó góp phần thúc đẩy tăng trưởng doanh thu.

In addition to market challenges, the Company achieved notable progress in 2025 in expanding its business operations and enhancing operational capabilities. The Company significantly increased its investment portfolio, strengthened proprietary trading and margin lending activities, thereby contributing to revenue growth.

Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng hệ thống quản trị, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong hoạt động kinh doanh và quản lý, đồng thời tăng cường kiểm soát nội bộ nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động.

Furthermore, the Company continued to improve its governance framework, accelerate digital transformation in operations, and strengthen internal control systems to support sustainable development amid a volatile market environment.

3.2 Tình hình tài chính/ *Financial Situation*

a) Tình hình tài sản/ *Assets*

Đơn vị tính: Đồng
Unit: VND

TÀI SẢN ASSETS	31/12/2024 December 31, 2024	31/12/2025 December 31, 2025
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN <i>Current assets</i>	2.077.520.343.415	2.883.960.890.616
I. Tài sản tài chính <i>Financial assets</i>	2.072.840.324.110	2.880.335.085.946
1. Tiền và các khoản tương đương tiền <i>Cash and cash equivalents</i>	264.497.973.756	198.935.580.572
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) <i>Financial assets at fair value through profit and loss (FVTPL)</i>	71.217.782.500	79.422.528.250
3. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM) <i>Held – to – maturity investments (HTM)</i>	444.996.110.553	1.031.660.000.000
4. Các khoản cho vay <i>Loans</i>	707.444.350.402	815.365.194.522
5. Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) <i>Available - for - sale financial assets (AFS)</i>	562.638.138.000	710.250.949.250
6. Các khoản phải thu <i>Receivables</i>	17.020.064.087	40.487.583.255
7. Trả trước cho người bán <i>Prepayments to suppliers</i>	174.000.000	1.031.234.400
8. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp <i>Receivables from services provided by the Company</i>	4.905.103.443	3.181.915.658

Đơn vị tính: Đồng
Unit: VND

TÀI SẢN		31/12/2024	31/12/2025
ASSETS		December 31, 2024	December 31, 2025
9.	Các khoản phải thu khác <i>Other receivables</i>	1.835.855.283	1.831.455.322
10.	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu <i>Provisions for impairment</i>	(1.889.053.914)	(1.831.355.283)
II.	Tài sản ngắn hạn khác <i>Other current assets</i>	4.680.019.305	3.625.804.670
1.	Tạm ứng <i>Advance Payment</i>	49.534.494	29.841.686
2.	Chi phí trả trước ngắn hạn <i>Short-term Prepaid Expenses</i>	4.630.484.811	3.595.962.984
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN <i>Non – current assets</i>	138.543.866.923	132.671.893.607
I.	Tài sản tài chính dài hạn <i>Non – current financial assets</i>	41.678.050.000	41.678.050.000
1.	Các khoản đầu tư <i>Investments</i>	41.678.050.000	41.678.050.000
1.1.	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn <i>Held-to-Maturity Investments</i>	-	-
1.2.	Đầu tư dài hạn khác <i>Other Long-term Investments</i>	41.678.050.000	41.678.050.000
II.	Tài sản cố định <i>Fixed assets</i>	13.961.649.541	18.462.445.873
1.	Tài sản cố định hữu hình <i>Tangible Fixed Assets</i>	4.928.332.662	5.614.527.395
	- Nguyên giá <i>Original Cost</i>	22.348.299.157	24.635.321.517
	- Giá trị hao mòn lũy kế <i>Accumulated Depreciation</i>	(17.419.966.495)	(19.020.794.122)
2.	Tài sản cố định vô hình <i>Intangible Fixed Assets</i>	9.033.316.879	12.847.918.478
	- Nguyên giá <i>Original Cost</i>	37.817.106.459	45.326.824.894
	- Giá trị hao mòn lũy kế <i>Accumulated Amortization</i>	(28.783.789.580)	(32.478.906.416)

Đơn vị tính: Đồng
Unit: VND

TÀI SẢN	31/12/2024	31/12/2025
ASSETS	December 31, 2024	December 31, 2025
III. Tài sản dài hạn khác	78.374.167.382	72.531.397.734
Other current assets		
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	1.757.300.000	1.147.900.000
<i>Pledge, Mortgage, Long-term Deposits, and Guarantees</i>		
2. Chi phí trả trước dài hạn	2.751.662.729	2.103.378.176
<i>Long-term Prepaid Expenses</i>		
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	9.793.188.642	12.066.996.919
<i>Payment Support Fund Deposits</i>		
4. Tài sản dài hạn khác	10.001.923.443	10.021.936.927
<i>Other Long-term Assets</i>		
5. Lợi thế thương mại	54.070.092.568	47.191.185.712
<i>Goodwill</i>		
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	2.216.064.210.338	3.016.632.784.223
TOTAL ASSETS		

b) Tình hình nợ phải trả/ *Debt Payable*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

Đơn vị tính: Tỷ đồng
Unit: Billion VND

	Số đầu năm	Số vay trong năm	Số trả trong năm	Số cuối năm
	Beginning Balance	Loans During the Year	Repayments During the Year	Ending Balance
Vay ngắn hạn các bên liên quan	0,0	0,0	0,0	0,0
<i>Short-term Loans from Related Parties</i>				
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	491,5	4.369,3	3.280,8	1.580,0
<i>Short-term Loans from Other Organizations</i>				
Cộng/ Total	491,5	4.369,3	3.280,8	1.580,0
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	399,6	0,0	399,6	0,0
<i>Short-term Issued Bonds</i>				

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỷ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ *Analysis of bad debts, impacts of the exchange rate changes on operating results of the Company and impacts of lending rate changes.*

Tại ngày 31/12/2025, Công ty không ghi nhận các khoản nợ phải trả quá hạn trọng yếu. Các nghĩa vụ nợ vay và các khoản phải trả được thanh toán đúng hạn theo các điều khoản đã cam kết với các tổ chức tín dụng và đối tác liên quan.

As at December 31, 2025, the Company did not record any material overdue liabilities. Borrowings and payables were settled in accordance with agreed contractual terms with credit institutions and relevant counterparties.

Trong năm 2025, Công ty không phát sinh đáng kể các giao dịch bằng ngoại tệ, do đó ảnh hưởng của biến động tỷ giá hối đoái đến kết quả hoạt động kinh doanh là không trọng yếu.

In 2025, the Company did not have significant foreign currency-denominated transactions; therefore, the impact of exchange rate fluctuations on operating results was not material.

Trong năm 2025, Công ty gia tăng đáng kể quy mô vay ngắn hạn nhằm tài trợ cho hoạt động đầu tư và cho vay ký quỹ. Tổng dư nợ vay ngắn hạn cuối năm tăng mạnh so với đầu năm, kéo theo chi phí tài chính tăng tương ứng.

In 2025, the Company significantly increased its short-term borrowings to finance investment activities and margin lending. The outstanding loan balance at year-end increased substantially compared to the beginning of the year, resulting in a corresponding rise in finance costs.

3.3 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ *Improvements in organizational structure, policies, and management*

- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ *Improvements in organizational structure, policies, and management:*

Hầu hết các hoạt động của các bộ phận, đặc biệt là các bộ phận nghiệp vụ đều được quy trình hóa và tài liệu hóa rõ ràng minh bạch, công khai.

Most departmental activities, especially those related to business operations, have been systematically structured and documented with clarity, transparency, and openness.

Các chính sách về nhân sự, lương, thưởng của công ty được hoàn thiện, đánh giá dựa vào sự hiệu quả và đóng góp cụ thể đảm bảo các lợi ích và công bằng cho người lao động.

The company's policies on human resources, salaries, and bonuses have been refined and are evaluated based on efficiency and specific contributions, ensuring fairness and benefits for employees.

- Các biện pháp kiểm soát: Công ty duy trì bộ phận đảm trách việc xây dựng quy trình, giám sát và kiểm tra chất lượng hệ thống định kỳ hàng quý và kỳ đánh giá nội bộ hàng năm nhằm đảm bảo việc tuân thủ thực hiện của các bộ phận liên quan đồng thời tìm kiếm các cơ hội cải tiến.

Control Measures: The Company maintains a dedicated department responsible for process development, periodic system monitoring, and quality inspections on a quarterly basis, along with an annual internal evaluation. This ensures compliance across relevant departments while also identifying opportunities for improvement.

3.4 Kế hoạch phát triển trong tương lai/ *Development plans in future*

- Đầu tư nghiên cứu sản phẩm tài chính phù hợp và chuyên nghiệp trong hoạt động phục vụ khách hàng.

Investing in the research and development of professional and suitable financial products to enhance customer service.

- Tập trung khai thác các khách hàng là tổ chức và phục vụ khách hàng chuyên sâu.
Focusing on institutional clients and providing in-depth customer service.
- Cơ cấu sắp xếp và ổn định bộ khung nhân sự của Ban điều hành và phòng ban chức năng. Tăng cường hoạt động đào tạo để nâng cao chất lượng đội ngũ.
Structuring, organizing, and stabilizing the personnel framework of the Board of Management and functional departments. Strengthening training activities to improve workforce quality.
- Triển khai các gói khuyến khích để kịp thời động viên và khơi gợi sự cống hiến của nhân viên.
Implementing incentive programs to promptly motivate and inspire employee dedication.
- Áp dụng công nghệ và nâng cấp cải tiến hệ thống giao dịch.
Applying technology and upgrading the trading system.
- Tiếp tục tăng cường hoạt động thu xếp, tìm kiếm nguồn hỗ trợ tài chính để bổ trợ cho hoạt động kinh doanh.
Continuing efforts in financial arrangement and sourcing additional financial support to strengthen business activities.
- Đảm bảo tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật trong hoạt động kinh doanh.
Ensuring strict compliance with legal regulations in business operations.

3.5 Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)/ *Explanation of the Board of Management for auditor's opinions (if any)*

Không có/ *None.*

3.6 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ *Assessment Report related to environment and social responsibilities of the Company*

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ, năng lượng, phát thải...)/ *Assessment concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions, etc.).*

Với đặc thù hoạt động trong lĩnh vực tài chính, Công ty không phát sinh các hoạt động sản xuất gây tác động trực tiếp đáng kể đến môi trường. Tuy nhiên, Công ty luôn tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và chủ động áp dụng các biện pháp quản lý nhằm sử dụng hiệu quả tài nguyên.

Given the nature of its operations in the financial sector, the Company does not engage in manufacturing activities that have significant direct impacts on the environment. However, the Company fully complies with applicable environmental protection laws and proactively implements management measures to ensure efficient use of resources.

Công ty cũng triển khai các giải pháp tiết kiệm năng lượng, nước, hạn chế sử dụng giấy thông qua việc số hóa quy trình và tài liệu, nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên về bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, Công ty từng bước lồng ghép các yếu tố môi trường vào hoạt động quản trị và định hướng phát triển bền vững.

The Company also implements solutions to conserve energy and water, and to reduce paper usage through the digitalization of processes and documentation, while enhancing employees' awareness of environmental protection. In addition, the Company is progressively integrating environmental considerations into its governance practices and sustainable development orientation.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ *Assessment concerning the labor issues*

Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về lao động, bao gồm các quy định về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, ... Đồng thời, Công ty cũng xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, minh bạch, bình đẳng và khuyến khích sự phát triển toàn diện của người lao động.

The Company fully complies with applicable labor laws and regulations, including those relating to wages, social insurance, health insurance, and other statutory requirements. At the same time, the Company fosters a professional, transparent, and equitable working environment that encourages the holistic development of its employees.

Chính sách nhân sự của Công ty hướng đến việc đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, đồng thời chú trọng đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn, đặc biệt trong lĩnh vực tài chính – chứng khoán. Các chế độ phúc lợi, khen thưởng và chăm lo đời sống tinh thần được triển khai nhằm tăng cường sự gắn kết và hiệu quả làm việc.

The Company's human resources policies are designed to ensure the legitimate rights and interests of employees, while placing strong emphasis on training and enhancing professional capabilities, particularly in the fields of finance and securities. Employee benefits, incentive schemes, and initiatives to support employees' well-being are implemented to strengthen engagement and improve work performance.

c. **Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/ Assessment concerning the corporate responsibility for the local community**

Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước và tuân thủ các quy định pháp luật tại địa phương nơi hoạt động. Đồng thời, Công ty tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội và đóng góp cho cộng đồng phù hợp với quy mô và năng lực của mình.

The Company fully fulfills its obligations to the State and complies with applicable laws and regulations in the localities where it operates. At the same time, the Company actively participates in social welfare activities and contributes to the community in line with its scale and capabilities.

Thông qua hoạt động kinh doanh, Công ty góp phần vào sự phát triển của thị trường tài chính, hỗ trợ doanh nghiệp huy động vốn và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Bên cạnh đó, Công ty quan tâm đến các hoạt động hỗ trợ cộng đồng, đặc biệt là các chương trình hướng đến đối tượng có hoàn cảnh khó khăn.

Through its business operations, the Company contributes to the development of the financial market, supports enterprises in raising capital, and promotes economic growth. In addition, the Company is committed to community support initiatives, particularly programs aimed at assisting disadvantaged groups.

4. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty/ Assessments of the Board of Directors on the Company's operation

4.1 **Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty/ Assessments of the Board of Directors on the Company's operation**

Bức tranh khó khăn và biến động của nền kinh tế thế giới cũng như trong nước nói chung và của thị trường tài chính – chứng khoán nói riêng trong năm 2025 tiếp tục đặt ra nhiều thách thức đối với hoạt động kinh doanh của Công ty. Mặc dù Công ty đã ghi nhận sự tăng trưởng đáng kể về quy mô doanh thu và tổng tài sản, việc thực hiện các mục tiêu lợi nhuận vẫn chưa đạt kỳ vọng. Do đó, kết thúc năm 2025, các chỉ tiêu kinh doanh đạt được chưa đáp ứng kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

The challenging and volatile landscape of both the global and domestic economies, as well as the financial and securities markets in 2025, continued to pose significant challenges to the Company's operations. Although the Company achieved notable growth in revenue and total assets, its profitability did not meet expectations. As a result, by the end of 2025, the

Company's business performance indicators fell short of the targets approved by the General Meeting of Shareholders.

Đánh giá các mảng hoạt động kinh doanh, Hội đồng Quản trị nhận thấy hoạt động tự doanh tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu doanh thu, với tổng doanh thu từ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) đạt khoảng 205,6 tỷ đồng và từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) đạt khoảng 49,4 tỷ đồng. Tuy nhiên, hoạt động này cũng phát sinh các khoản lỗ đáng kể, góp phần làm gia tăng chi phí hoạt động và ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả kinh doanh chung.

In terms of business segments, proprietary trading remained a key contributor to revenue, with income from financial assets at fair value through profit or loss (FVTPL) reaching approximately VND 205.6 billion and income from held-to-maturity (HTM) investments amounting to approximately VND 49.4 billion. However, this segment also incurred significant losses, which increased operating expenses and adversely affected overall business performance.

Doanh thu từ hoạt động cho vay ký quỹ và các khoản phải thu tiếp tục duy trì ổn định, đạt khoảng 88,7 tỷ đồng, trong khi chi phí tài chính gia tăng tương ứng do quy mô vay vốn tăng mạnh trong năm. Mảng môi giới chứng khoán ghi nhận doanh thu khoảng 34,6 tỷ đồng, tăng so với năm trước, tuy nhiên biên lợi nhuận vẫn chịu áp lực do chi phí hoạt động cao. Các hoạt động khác như bảo lãnh phát hành và đại lý phát hành chứng khoán không phát sinh doanh thu đáng kể trong kỳ.

Revenue from margin lending and receivables remained stable at approximately VND 88.7 billion, while finance costs increased correspondingly due to the significant expansion of borrowings during the year. Brokerage activities recorded revenue of approximately VND 34.6 billion, showing growth compared to the previous year; however, profit margins remained under pressure due to high operating costs. Other activities such as underwriting and securities issuance agency services did not generate significant revenue during the period.

Kết quả, Công ty ghi nhận lợi nhuận trước thuế đạt 14,5 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 12,0 tỷ đồng, giảm mạnh so với năm trước. Mặc dù quy mô hoạt động được mở rộng, hiệu quả sinh lời chưa tương xứng, phản ánh áp lực gia tăng từ chi phí hoạt động và rủi ro thị trường.

As a result, the Company reported a pre-tax profit of VND 14.5 billion and an after-tax profit of VND 12.0 billion, representing a significant decline compared to the previous year. Despite the expansion in operational scale, profitability did not improve proportionately, reflecting increased cost pressures and market risks.

Dù kết quả chưa đạt kỳ vọng, Hội đồng Quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban Điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên trong việc duy trì hoạt động ổn định và mở rộng quy mô kinh doanh trong bối cảnh thị trường nhiều biến động. Công ty tiếp tục kiên định định hướng phát triển bền vững, nâng cao năng lực quản trị rủi ro và tối ưu hóa hiệu quả hoạt động nhằm cải thiện kết quả kinh doanh trong các kỳ tiếp theo.

Despite the results falling short of expectations, the Board of Directors highly appreciates the efforts of the Executive Board and all employees in maintaining stable operations and expanding business scale amid a volatile market environment. The Company remains committed to its sustainable development strategy, enhancing risk management capabilities and optimizing operational efficiency to improve business performance in the coming periods.

Ngoài ra, Công ty tiếp tục đẩy mạnh công tác rà soát, hoàn thiện hệ thống quản trị và tăng cường ứng dụng công nghệ trong quản lý và vận hành. Các hoạt động số hóa được triển khai đồng bộ nhằm nâng cao hiệu quả quản trị nội bộ, qua đó củng cố nền tảng vững chắc để Công ty sẵn sàng nắm bắt cơ hội khi thị trường phục hồi và hướng tới kết quả khả quan hơn trong năm 2026.

In addition, the Company continues to focus on improving governance processes and enhancing the application of technology in management and operations. Digital transformation initiatives have been implemented to strengthen internal efficiency, thereby reinforcing the

Company's foundation and enabling it to seize opportunities when market conditions improve, with the aim of achieving better results in 2026.

Đơn vị tính: Tỷ đồng
Unit: Billion VND

Chỉ tiêu Items	2025 (Thực tế)/ (Actual)	2024 (Thực tế) (Actual)	% Thay đổi (Thực tế 25/Thực tế 24) % Change (2025 Actual / 2024 Actual)
	(a)	(b)	(c) = (a-b)/(b)
Tự doanh Proprietary Trading	215,25	93,60	+130,0%
Hoạt động cho vay Lending Activities	88,67	84,15	+5,4%
Môi giới Brokerage	34,61	30,17	+14,7%
Tư vấn phát hành Issuance Advisory	0,00	0,02	-100%
Lưu ký chứng khoán Securities Custody	0,75	0,96	-22,0%
Doanh thu khác Other Revenue	56,44	23,02	+145,2%
Tổng doanh thu Total Revenue	397,61	231,91	+71,4%
Chi phí kinh doanh Business Expenses	276,04	76,18	+262,3%
Chi phí điều hành Operating Expenses	107,10	96,96	+10,5%
Tổng chi phí Total Expenses	383,14	173,14	+121,3%
Lợi nhuận trước thuế Pre-tax Profit	14,46	58,77	-75,4%

- Tổng doanh thu: 397,61 tỷ đồng
Total Revenue: VND 397.61 billion
- Tổng chi phí: 383,14 tỷ đồng
Total Expenses: VND 383.14 billion
- Lợi nhuận trước thuế năm 2025: 14,46 tỷ đồng
Pre-tax Profit 2025: VND 14.46 billion

Tình hình tài chính hợp nhất của công ty đến thời điểm 31/12/2025 như sau:
The Company's consolidated financial position as of December 31, 2025, is as follows:

Đơn vị tính: Đồng

Unit: VND

TỔNG TÀI SẢN	3.016.632.784.223
TOTAL ASSETS	
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	2.883.960.890.616
CURRENT ASSETS	
I. Tài sản tài chính	2.880.335.085.946
Financial assets	
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	198.935.580.572
<i>Cash and cash equivalents</i>	
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	79.422.528.250
<i>Financial assets at fair value through profit and loss (FVTPL)</i>	
3. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	1.031.660.000.000
<i>Held – to – maturity investments (HTM)</i>	
4. Các khoản cho vay	815.365.194.522
<i>Loans</i>	
5. Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	710.250.949.250
<i>Available – for – sale financial assets (AFS)</i>	
6. Các khoản phải thu	40.487.583.255
<i>Receivables</i>	
7. Trả trước cho người bán	1.031.234.400
<i>Prepayments to suppliers</i>	
8. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	3.181.915.658
<i>Receivables from services provided by the Company</i>	
9. Các khoản phải thu khác	1.831.455.322
<i>Other receivables</i>	
10. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(1.831.355.283)
<i>Provisions for impairment</i>	
II. Tài sản ngắn hạn khác	3.625.804.670
Other current assets	
1. Tạm ứng	29.841.686
<i>Advance Payment</i>	
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	3.595.962.984
<i>Short-term Prepaid Expenses</i>	
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	132.671.893.607
NON – CURRENT ASSETS	
I. Tài sản tài chính dài hạn	41.678.050.000
Non – current financial assets	

II.	Tài sản cố định <i>Fixed assets</i>	18.462.445.873
III.	Tài sản dài hạn khác <i>Other current assets</i>	72.531.397.734
1.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn <i>Pledge, Mortgage, Long-term Deposits, and Guarantees</i>	1.147.900.000
2.	Chi phí trả trước dài hạn <i>Long-term Prepaid Expenses</i>	2.103.378.176
3.	Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán <i>Payment Support Fund Deposits</i>	12.066.996.919
4.	Tài sản dài hạn khác <i>Other Long-term Assets</i>	10.021.936.927
5.	Lợi thế thương mại <i>Goodwill</i>	47.191.185.712
TỔNG NGUỒN VỐN TOTAL CAPITAL		3.016.632.784.223
C.	NỢ PHẢI TRẢ LIABILITIES	1.614.656.991.187
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU OWNERS' EQUITY	1.401.975.793.036
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu <i>Owner's Contributed Capital</i>	1.156.126.290.000
2.	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý <i>Asset Revaluation Surplus at Fair Value</i>	2.763.680.745
3.	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ <i>Charter Capital Supplementary Reserve</i>	-
4.	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ <i>Financial and Operational Risk Provision Fund</i>	-
5.	Lợi nhuận chưa phân phối <i>Undistributed Profits</i>	241.280.114.146
6.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát <i>Non-controlling Interests</i>	1.805.708.145

4.2 Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/ Assessment of BOD on Boards of Managements performance

HĐQT gồm các thành viên có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, quản trị cấp cao, có đủ thông tin để phân tích, định hướng, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban giám đốc để kịp thời, thường xuyên và đầy đủ; cụ thể:

The BOD consists of members with extensive experience in the fields of securities, finance, and senior management. The BOD possesses information to analyze, provide direction, and

supervise the activities of the Board of Management in a timely, regular, and comprehensive manner. Specifically:

- Giám sát đảm bảo các hoạt động của Công ty được Ban điều hành quản lý đúng pháp luật, đúng Điều lệ Công ty.

Supervising to ensure that the Company's activities are managed by the Board of Management in compliance with applicable law and the Company's Charter.

- Chỉ đạo Ban điều hành giải quyết kịp thời các vấn đề thuộc thẩm quyền hoặc đột xuất. Các vấn đề lớn, quan trọng đều được HĐQT thảo luận kỹ có nghị quyết và giám sát quá trình thực hiện qua báo cáo tiến độ.

Directing the Board of Management to promptly resolve matters within its authority or as well as unexpected issues. Major and important matters are carefully discussed by the BOD, formalized through resolutions, and monitored progress reports on their implementation.

- Theo dõi, cập nhật định kỳ tình hình tài chính, quản lý điều hành, nhân sự, quản lý chi phí của công ty thông qua các báo cáo từ Tổng Giám đốc, BKS.

Monitoring and periodically updating the Company's financial status, operational management, human resources, and cost management through reports from the General Director and BOS.

- Một cách tổng quát, qua quá trình giám sát, HĐQT nhận thấy Ban giám đốc đã triển khai thực hiện đúng các nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kịp thời thông tin báo cáo theo thực tế.

Overall, through its oversight, the BOD acknowledges that the Board of Management has properly implemented the resolutions of the BOD and the GMS, while providing timely and accurate reporting based on actual conditions.

4.3 Các kế hoạch, định hướng của HĐQT/ *Plans and orientations of the BOD:*

- Thúc đẩy và hỗ trợ phát triển đầy đủ các mảng tạo doanh thu, ưu tiên đẩy mạnh các mảng kinh doanh mang lại nguồn ổn định.

Promote and support the comprehensive development of revenue-generating business segments, prioritizing those that provide stable income streams.

- Mở rộng phục vụ khách hàng cá nhân có giá trị tài sản cao và gia tăng số lượng khách hàng tổ chức thông qua các mối quan hệ của cổ đông lớn.

Expand services to high-net-worth individual clients and increase the number of institutional clients by leveraging relationships with major shareholders.

- Hoạt động đầu tư được chú trọng và phân bổ giải ngân với tỷ trọng cao trong tổng nguồn vốn.

Focus on investment activities with a high allocation of total capital for disbursement.

- Liên kết và phối hợp với đơn vị khác để tăng nguồn tài trợ hỗ trợ cho hoạt động phát triển mảng môi giới.

Collaborate with other entities to increase funding sources in support of brokerage development.

- Từng bước cung cấp và đa dạng các sản phẩm tài chính nhưng luôn đảm bảo kiểm soát tốt rủi ro.

Gradually introduce and diversify financial products while ensuring effective risk control.

- Tiếp tục đầu tư, bổ sung, nâng cấp hạ tầng công nghệ phục vụ phát triển kinh doanh và kiểm soát tốt rủi ro, đặc biệt là rủi ro tấn công mạng và an toàn thông tin.

Continue investing in, upgrading, and enhancing technology infrastructure to support business growth and strengthen risk management, especially risks relating to cyber attack and information security.

- Kiên định với đường hướng phát triển Công ty, bằng việc tiếp tục với sự chỉ đạo sát sao, quyết liệt và tranh thủ sự hỗ trợ từ các cổ đông lớn, HĐQT kỳ vọng đặt mục tiêu tăng trưởng cho năm 2025 khi mà các khó khăn chung của nền kinh tế trong và ngoài nước dần sáng sửa hơn.

Stay committed to the Company's development strategy through decisive leadership and strong support from major shareholders. The BOD aims for growth in 2025 as economic challenges, both domestic and global, begin to ease.

5. Quản trị công ty/ Corporate governance

5.1 Hội đồng quản trị/ Board of Directors

a) Thành viên và cơ cấu của HĐQT/ Members and structure of the BOD:

Tại thời điểm 31/12/2025, danh sách thành viên HĐQT gồm có 05 thành viên, chi tiết như sau:
As of December 31, 2025, the BOD consists of 5 members. Details as follows:

STT No.	Họ và tên Name	Năm sinh Year of birth	Chức vụ Position	Tỷ lệ sở hữu cổ phần Percentage of shares ownership	Số lượng chức danh TV. HĐQT/ Quản lý khác đang nắm giữ tại các công ty khác Number of positions such as BODs member/ Manager holding at other companies
1.	Ông Nguyễn Khánh Linh <i>Mr. Nguyen Khanh Linh</i>	1975	Chủ tịch HĐQT kiêm Người đại diện theo pháp luật <i>Chairman of BOD & Legal Representative</i>	0%	03
2.	Ông Nguyễn Quốc Việt <i>Mr. Nguyen Quoc Viet</i>	1981	Phó Chủ tịch HĐQT <i>Vice Chairman of BOD</i>	0%	03
3.	Ông Nguyễn Đông Hải <i>Mr. Nguyen Dong Hai</i>	1981	Phó Chủ tịch HĐQT <i>Vice Chairman of BOD</i>	0%	01
4.	Ông Nguyễn Đức Hiếu <i>Mr. Nguyen Duc Hieu</i>	1982	Miễn nhiệm TV. HĐQT từ ngày 17/04/2025 <i>Dismissal of a member of BOD effective April 17, 2025</i>	0%	01
5.	Ông Phan Minh Trung <i>Mr. Phan Minh Trung</i>	1981	Miễn nhiệm TV. HĐQT độc lập từ ngày 17/04/2025 <i>Dismissal of a independent member of</i>	0%	01

			<i>BOD effective April 17, 2025</i>		
6.	Ông Trần Bảo Toàn <i>Mr. Tran Bao Toan</i>	1971	Bổ nhiệm TV. HĐQT ngày 17/04/2025 <i>Appointment of a Member of the BOD effective from April 17, 2025</i>	0%	01
7.	Ông Đinh Trần Lạc Thiện <i>Mr. Dinh Tran Lac Thien</i>	1973	Bổ nhiệm TV. HĐQT độc lập ngày 17/04/2025 <i>Appointment of an independent member of the BOD effective from April 17, 2025</i>	0%	01

b) Các tiểu ban thuộc HĐQT/ *The committees of the BOD*

Không thành lập tiểu ban HĐQT do quy mô hoạt động chưa lớn và bộ máy cần đơn giản. Tuy vậy, từng thành viên HĐQT cũng đã phân mảng giám sát các hoạt động nghiệp vụ, phối hợp, chỉ đạo hoạt động đối với Ban điều hành. Cụ thể, một thành viên tham gia hỗ trợ hoạt động môi giới và quản trị rủi ro, một thành viên tham gia hỗ trợ hoạt động tự doanh và tư vấn đầu tư, một thành viên tham gia hoạt động Ngân hàng đầu tư và tư vấn tài chính, và một thành viên tham gia các hoạt động kiểm toán nội bộ, nhân sự cùng các vấn đề công nghệ.

The Company has not established subcommittees within the BOD due to its relatively small operational scale and the need to maintain a streamlined structure. However, each board member has taken on specific supervisory roles to oversee and coordinate activities with the Board of Management. Specifically, one member supports brokerage and risk management activities, another member assists with proprietary trading and investment advisory operations, a third member focuses on investment banking and financial advisory services, the final member oversees internal auditing, human resources, and technology-related matters.

c) Hoạt động của HĐQT/ *Activities of the BOD:*

HĐQT hoạt động theo Điều lệ Công ty. HĐQT họp hàng quý hoặc khi có các vấn đề phát sinh. HĐQT có các chỉ đạo kịp thời liên quan đến các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT được thực thi đầy đủ thông qua các cuộc họp HĐQT.

The BOD operates in accordance with the Company Charter. The Board convenes quarterly or whenever issues arise. It provides timely directives on matters within its authority. The rights and responsibilities of the Board are fully exercised through its meetings.

Dưới đây là tỷ lệ tham gia các buổi họp HĐQT của các thành viên HĐQT/ *Below is the attendance rate of BOD members at BOD meetings:*

STT No.	Thành viên HĐQT <i>Member of BOD</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Số buổi họp tham dự <i>Number of meetings attended</i>	Tỷ lệ <i>Attendance rate</i>	Lý do không tham dự <i>Reasons for absence</i>
1.	Ông Nguyễn Khánh Linh <i>Mr. Nguyen Khanh Linh</i>	Chủ tịch HĐQT kiêm Người đại diện theo pháp luật <i>Chairman of BOD & Legal Representative</i>	16/16	100%	
2.	Ông Nguyễn Quốc Việt <i>Mr. Nguyen Quoc Viet</i>	Phó Chủ tịch HĐQT <i>Vice Chairman of BOD</i>	16/16	100%	
3.	Ông Nguyễn Đông Hải <i>Mr. Nguyen Dong Hai</i>	Phó Chủ tịch HĐQT <i>Vice Chairman of BOD</i>	16/16	100%	
4.	Ông Nguyễn Đức Hiếu <i>Mr. Nguyen Dong Hai</i>	TV. HĐQT điều hành kiêm Tổng giám đốc <i>Executive BOD member & General Director</i>	07/16	43,75%	Miễn nhiệm từ ngày 17/04/2025 <i>Dismissed effective from April 17, 2025</i>
5.	Ông Phan Minh Trung	TV. HĐQT độc lập <i>Independent BOD member</i>	07/16	43,75%	Miễn nhiệm từ ngày 17/04/2025 <i>Dismissed effective from April 17, 2025</i>
6.	Ông Trần Bảo Toàn <i>Mr. Tran Bao Toan</i>	Thành viên HĐQT <i>BOD member</i>	09/16	56,25%	Bổ nhiệm từ ngày 17/04/2025 <i>Appointed effective from April 17, 2025</i>
7.	Ông Đinh Trần Lạc Thiện <i>Mr. Dinh Tran Lac Thien</i>	TV. HĐQT độc lập <i>Independent BOD member</i>	09/16	56,25%	Bổ nhiệm từ ngày 17/04/2025 <i>Appointed effective from April 17, 2025</i>

Kết quả các cuộc họp được lập thành biên bản và triển khai cụ thể thông qua các nghị quyết, cụ thể như sau:

The outcomes of the meetings are documented in minutes and implemented through specific resolutions, as follows:

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
1.	01/2025/NQ-HĐQT	18/02/2025 February 18, 2025	Thông qua việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 với ngày tổ chức họp dự kiến là ngày 17/04/2025. <i>Adoption of the proposal to convene the 2025 AGM, tentatively scheduled for April 17, 2025.</i>	100%
2.	02/2025/NQ-HĐQT	20/02/2025 February 20, 2025	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc Công ty được phép giao dịch với Ngân Hàng TNHH Indovina, trụ sở chính tại 97A Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phú Nhuận, TP.HCM. <i>Adoption of the proposal allowing the Company to enter into transactions with Indovina Bank Ltd., having its head office at 97A Nguyen Van Troi Street, Phu Nhuan Ward, HCMC.</i> - Thông qua việc Công ty được quyền sử dụng các khoản tiền gửi của Công Ty tại Ngân Hàng và/hoặc bất động sản cầm cố/thế chấp cho Ngân Hàng để làm Tài Sản Bảo Đảm cho Khoản Tín Dụng với tỷ lệ giữa giá trị Tài Sản Bảo Đảm trên Số dư tín dụng không được thấp hơn 50% tại mọi thời điểm. <i>Adoption of the proposal allowing the Company to use its bank deposits and/or real estate assets pledged/mortgaged to the Bank as Collateral for Credit Facilities provided that the ratio of the value of the Collateral to the outstanding credit balance shall not be less than 50% at any given time.</i> 	100%
3.	03/2025/NQ-HĐQT	13/03/2025 March 13, 2025	Thông qua việc đồng ý thực hiện quan hệ tín dụng với Ngân hàng liên doanh Việt Nga – Chi nhánh TP.HCM (VRB.HCM) với số tiền cho vay tối đa là 300.000.000.000 đồng. <i>Adoption of the proposal to establish a credit relationship with Vietnam–Russia Joint Venture Bank – HCM City Branch (VRB.HCM), with a maximum</i>	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
			<i>credit facility amount of VND 300,000,000,000.</i>	
4.	04/2025/NQ-HĐQT	21/03/2025 <i>March 21, 2025</i>	Thông qua chương trình họp và toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025. <i>Adoption of the meeting agenda and all meeting documents for the 2025 AGM.</i>	100%
5.	05/2025/NQ-HĐQT	26/03/2025 <i>March 26, 2025</i>	Thông qua các nội dung liên quan cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025. <i>Adoption of all matters related to the 2025 AGM.</i>	100%
6.	06/2025/NQ-HĐQT	10/04/2025 <i>April 10, 2025</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua phương án vay vốn, kế hoạch sản xuất kinh doanh 12 tháng tới và các hồ sơ đính kèm hồ sơ cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP.HCM. <i>Adoption of the financing plan, the business plan for the next 12 months, and all accompanying documents for the credit facility application to the Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam – HCM City Branch (Vietcombank).</i> - Thông qua việc sử dụng hạn mức cấp tín dụng ngắn hạn, vay vốn, thế chấp/ cầm cố tài sản bảo đảm. <i>Adoption of the proposal to utilize short-term credit limits, obtain loans, and pledge or mortgage assets as collateral.</i> 	100%
7.	07/2025/NQ-HĐQT	15/04/2025 <i>April 15, 2025</i>	Thông qua việc ghi nhận các đơn từ nhiệm của Ông Nguyễn Đức Hiếu – Thành viên HĐQT và Ông Phan Minh Trung – Thành viên HĐQT độc lập và sẽ trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 ngày 17/04/2025 xem xét, thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT. <i>Adoption of the acknowledgment of the resignations of Mr. Nguyen Duc Hieu – Member of the BOD, and Mr. Phan Minh Trung – Independent Member of BOD, and submission to</i>	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
			<i>the 2025 AGM, scheduled on April 17, 2025, for consideration and approval.</i>	
8.	08/2025/NQ-HĐQT	15/04/2025 <i>April 15, 2025</i>	Thông qua việc thực hiện gửi bộ hồ sơ đề cử ứng viên HĐQT để bầu ứng viên bổ sung, thay thế và bổ sung nội dung chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 cùng các tài liệu liên quan. <i>Adoption of the submission of the nomination dossier for candidates to the BOD for additional and replacement elections, and the inclusion of this matter in the agenda of the 2025 AGM, together with all relevant supporting documents.</i>	100%
9.	09/2025/NQ-HĐQT	22/04/2025 <i>April 22, 2025</i>	Thông qua việc bổ sung 01 (một) người đại diện theo pháp luật đối với Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công là ông Nguyễn Đức Hiếu – Tổng Giám đốc. <i>Approval of the appointment of an additional legal representative of ThanhCong Securities Company, being Mr. Nguyen Duc Hieu – General Director.</i>	100%
10.	10/2025/NQ-HĐQT	22/05/2025 <i>May 22, 2025</i>	Thông qua triển khai chi tiết phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ Công ty đã được thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 diễn ra vào ngày 17/04/2025. <i>Adoption of the detailed implementation plan for the public offering of additional shares to existing shareholders to increase the Company's charter capital, as approved under the Resolution of the 2025 AGM held on April 17, 2025.</i>	100%
11.	11/2025/NQ-HĐQT	23/05/2025 <i>May 23, 2025</i>	Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu trình Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo đúng quy định của pháp luật. <i>Adoption of the registration dossier for the public offering of additional shares to existing shareholders, to be submitted to the State Securities</i>	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
			<i>Commission in accordance with applicable laws and regulations.</i>	
12.	12/2025/NQ-HĐQT	24/06/2025 <i>June 24, 2025</i>	Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C để thực hiện soát xét và kiểm toán các Báo cáo tài chính trong năm tài chính 2025 và thực hiện kiểm toán Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu đối với trái phiếu còn nợ trong năm 2025 cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công. <i>Adoption of the selection of A&C Auditing and Consulting Co., Ltd. as the auditor to conduct the review and audit of the financial statements for the fiscal year 2025, and to audit the report on the use of proceeds from bond issuances in respect of the outstanding bonds in 2025 of Thanh Cong Securities Company.</i>	100%
13.	13/2025/NQ-HĐQT	21/07/2025 <i>July 21, 2025</i>	Thông nhất thông qua việc đề nghị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa (BIDV) cấp hạn mức tín dụng phục vụ cho hoạt động kinh doanh. <i>Adoption of the proposal to request the Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam – Nam Ky Khoi Nghia Branch (BIDV) to grant a credit facility for the Company's business operations.</i>	100%
14.	15/2025/NQ-HĐQT	25/09/2025 <i>September 25, 2025</i>	Thông qua việc vay hạn mức ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank). <i>Adoption of the Company's entry into a short-term credit facility with Tien Phong Commercial Joint Stock Bank (TPBank).</i>	100%
15.	16/2025/NQ-HĐQT	25/09/2025 <i>September 25, 2025</i>	Thông qua việc ký hợp đồng đảm bảo với tổ chức có liên quan của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công – Công ty Cổ phần May Da Sài Gòn. <i>Adoption of the proposal to enter into a security agreement with a related party of ThanhCong Securities Company – Sai Gon Leather Joint Stock Company.</i>	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
16.	17/2025/NQ-HĐQT	02/10/2025 <i>October 02, 2025</i>	Thông qua việc mua cổ phiếu phát hành thêm của Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết, là tổ chức có liên quan của Ông Nguyễn Khánh Linh – Chủ tịch HĐQT, Ông Nguyễn Đông Hải – Phó Chủ tịch HĐQT và Ông Nguyễn Đức Hiếu – Tổng Giám đốc. <i>Adoption of the proposal to purchase additional shares issued by Bach Tuyet Cotton Corporation, a related party of Mr. Nguyen Khanh Linh – Chairman of the BOD, Mr. Nguyen Dong Hai – Vice Chairman of the BOD, and Mr. Nguyen Duc Hieu – General Director.</i>	100%
17.	18/2025/NQ-HĐQT	10/12/2025 <i>December 10, 2025</i>	Thực hiện quan hệ tín dụng với Ngân hàng Liên doanh Việt Nga – Chi nhánh TP.HCM (VRB.HCM). <i>Adoption of the proposal to enter into a credit facility with Vietnam–Russia Joint Venture Bank – HCM City Branch (VRB.HCM).</i>	100%

d) Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập/ *Activities of the BOD independent members*

TV. HĐQT độc lập không tham gia hoạt động nghiệp vụ để đảm bảo có sự độc lập trong các quyết sách của Hội đồng quản trị. TV. HĐQT độc lập đã tham dự đầy đủ các cuộc họp và tham gia phân biện tính hợp lý, mức độ cần trọng và rủi ro trong quá trình quản trị điều hành Công ty. Bên cạnh đó, TV. HĐQT độc lập đã có các góp ý xác đáng về kế hoạch kinh doanh, chia sẻ kiến thức với Ban Tổng giám đốc nhằm hoàn thiện hơn công tác vận hành, tuyển dụng và phát triển nguồn nhân lực.

The Independent BOD member does not participate in operational activities to ensure independence in the decisions of the BOD. He also attended all meetings and provided critical evaluations on rationality, prudence, and risks in the Company's governance and management. Additionally, the independent BOD member offered valuable insights on business planning and shared expertise with the Management team to enhance operations, recruitment, and human resource development.

e) Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty/ *The list of members of the BOD possessing certificates on corporate governance*

Các thành viên HĐQT có kinh nghiệm quản trị Công ty. Hiện tại, các thành viên đã và đang tham gia các lớp đào tạo về quản trị công ty theo quy định.

Members of the BOD have completed and are undertaking corporate governance training programs in accordance with applicable regulations.

5.2 Ban kiểm soát (BKS)/ *Board of supervisors (BOS)*

a) Thành viên và cơ cấu của BKS/ *Members and structure of the BOS*

TT No.	Họ và tên Name	Năm sinh Year of birth	Chức vụ Position	Tỷ lệ sở hữu cổ phần Percentage of shares ownership
1.	Bà Trần Thị Nhân <i>Ms. Tran Thi Nhan</i>	1989	Trưởng BKS <i>Head of BOS</i>	0%
2.	Bà Trương Thị Hồng Nhạn <i>Ms. Truong Thi Hong Nhan</i>	1988	Thành viên <i>Member BOS</i>	0%
3.	Ông Nguyễn Trung Hiếu <i>Mr. Nguyen Trung Hieu</i>	1983	Thành viên <i>Member BOS</i>	0%

b) Hoạt động của BKS/ *Activities of the BOS:*

- BKS xem xét hàng tháng báo cáo tài chính của Công ty. Trường hợp có thông tin hoặc kiểm tra thấy có bất thường thì BKS trực tiếp đến làm việc với Công ty.
The BOS reviews the company's financial statements monthly. In cases where there is information or findings indicating irregularities, the BOS will directly engage with the company.
- Tham gia các cuộc họp HĐQT định kỳ hàng quý và đột xuất.
Participate in quarterly regular and ad hoc BOD meetings.
- Các cuộc họp làm việc định kỳ của BKS được tiến hành đầy đủ theo quy định tại Điều lệ và Quy chế hoạt động của BKS nhằm xem xét Báo cáo tài chính được soát xét bán niên và Báo cáo tài chính được kiểm toán năm.
The regular meetings of the BOS are conducted in full compliance with the provisions of the Charter and the Operating Regulations of the BOS, aiming to review the semi-annual reviewed financial statements and the annual audited financial statements.

5.3 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và BKS/ *Transactions, remunerations and benefits of the BOD, Board of Management and BOS*

5.3.1 Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích/ *Salary, rewards, remuneration and benefits:*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm lương và thưởng với tổng số tiền là 10.705.524.583 đồng (năm trước là 8.558.615.277 đồng). Chi tiết được trình bày trong phần thuyết minh báo cáo tài chính.

The income of key management members includes salary and rewards with a total amount of VND 10,705,524,583 (previous year was VND 8,558,615,277). Details are presented in the notes of the financial statements.

a) Thành viên HĐQT / Board of Directors

Thù lao các thành viên HĐQT năm 2024 đã thực hiện chi trả theo Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong cuộc họp thường niên năm 2025. Thù lao 2025 sẽ trình cho Đại hội đồng cổ đông trong cuộc họp thường niên năm 2026 xem xét thông qua.

Remuneration of BOD members for 2024 have paid in accordance with the Resolution approved by the AGM 2025. The remuneration for 2025 shall be submitted to the upcoming AGM 2026 for consideration and approval.

b) Thành viên BKS / Board of Supervisors

Thù lao các thành viên BKS năm 2024 đã thực hiện chi trả theo Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong cuộc họp thường niên năm 2025 và thù lao 2025 sẽ trình cho Đại hội đồng cổ đông trong cuộc họp thường niên năm 2026 xem xét thông qua.

Remuneration of BOS members for 2024 have paid in accordance with the Resolution approved by the AGM 2025. The remuneration for 2025 shall be submitted to the upcoming AGM 2026 for consideration and approval.

c) Ban Tổng giám đốc / Board of Management

Lương, thưởng của các thành viên Ban Tổng giám đốc theo quy định Hợp đồng lao động và quyết định của HĐQT.

Salary, rewards/bonus of members of the Board of Management are based on the Labor Contract and the decision of the Board of Directors.

5.3.2 Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ/ *Share transactions by internal shareholders*: (tính đến 31/12/2025/ *As of December 31, 2025*):

Không có/ *None*.

5.3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ/ *Contracts or transactions with internal shareholders*:

STT No.	Giao dịch Transaction	Ghi chú Note
1.	<p>TCSC thông qua việc ký kết hợp đồng đảm bảo cho khoản vay hạn mức ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong với Công ty Cổ phần May Da Sài Gòn - tổ chức có liên quan của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công do cùng chịu chung sự kiểm soát của Công ty Cổ phần Đầu tư SGI Holdings.</p> <p><i>TCSC approved the signing of a guarantee agreement for the short-term credit limit loan at Tien Phong Commercial Joint Stock Bank, with Saigon Leather JSC, an affiliated organization of TCSC, as the guarantor. Both entities are under the common control of SGI Holdings Investment JSC.</i></p>	
2.	<p>TCSC thực hiện quyền mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết chào bán cho cổ đông hiện hữu – Tổ chức có liên quan của người nội bộ:</p> <p><i>TCSC exercises the right to purchase shares offered to existing shareholders of Bach Tuyet Cotton Corporation – a related party of the insider, including:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Ông Nguyễn Khánh Linh – Chủ tịch HĐQT kiêm Người đại diện theo pháp luật. <i>Mr. Nguyen Khanh Linh – Chairman of BOD & Legal Representative.</i> - Ông Nguyễn Đông Hải – Phó Chủ tịch HĐQT. <i>Mr. Nguyen Dong Hai – Vice Chairman of the BOD.</i> - Ông Nguyễn Đức Hiếu – TGD kiêm Người đại diện theo pháp luật. <i>Mr. Nguyen Duc Hieu – General Director & Legal Representative.</i> 	

5.3.4 Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ *Assessing the Implementation of regulations on corporate governance*:

Các quy định về quản trị Công ty luôn được chú trọng và tuân thủ nhằm đảm bảo tính minh bạch trong hoạt động Công ty. Quy chế nội bộ quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS đã được rà soát, cập nhật bổ sung theo luật định và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Corporate governance regulations are always prioritized and strictly adhered to ensure transparency in the company's operations. The Internal Corporate Governance Regulations, the BOD's Operating Regulations, and the BOS's Operating Regulations have been reviewed, updated, and supplemented in accordance with the law and approved by the General Meeting of Shareholders.

6. Báo cáo tài chính hợp nhất/ Consolidated interim financial statements

6.1 Ý kiến của kiểm toán viên/ Auditor's opinions

"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất."

"In our opinion, the Consolidated Financial Statements give a true and fair view, in all material respects, of the consolidated financial position as at 31 December 2025 of the Group, its consolidated financial performance, its consolidated cash flows and its consolidated changes in owner's equity for the fiscal year then ended, in conformity with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, Circulars providing accounting guidance applicable to securities companies as well as relevant statutory requirements on the preparation and presentation of the Consolidated Financial Statements."

6.2 Báo cáo tài chính được kiểm toán/ Audited financial statements

Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính Công ty mẹ đã kiểm toán (công bố trên website Công ty tại đường link: https://www.tcsc.vn/VỀ_TCSC/TCSC/Quan_hệ_cổ_đông/Báo_cáo_tài_chính/) bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

The audited Consolidated Financial Statements and Parent Company Financial Statements (published on the Company's website at: https://www.tcsc.vn/en/investor_relations/Financial-Reports/ have been audited by A&C Auditing and Consulting Co., Ltd.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.883.960.890.616	2.077.520.343.415
I. Tài sản tài chính	110		2.880.335.085.946	2.072.840.324.110
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	VI.1	198.935.580.572	264.497.973.756
1.1. Tiền	111.1		10.511.539.476	71.517.973.756
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		188.424.041.096	192.980.000.000
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	VI.3a, e	79.422.528.250	71.217.782.500
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	VI.3c	1.031.660.000.000	444.996.110.553
4. Các khoản cho vay	114	VI.3d	815.365.194.522	707.444.350.402
5. Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115	VI.3b, e	710.250.949.250	562.638.138.000
6. Các khoản phải thu	117		40.487.583.255	17.020.064.087
6.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1	VI.4	17.552.841.400	-
6.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	VI.4	22.934.741.855	17.020.064.087
6.2.1. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		10.080.684.515	13.391.866.737
6.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		12.854.057.340	3.628.197.350
7. Trả trước cho người bán	118	VI.4	1.031.234.400	174.000.000
8. Phải thu dịch vụ CTCK cung cấp	119	VI.4	3.181.915.658	4.905.103.443
9. Các khoản phải thu khác	122	VI.4	1.831.455.322	1.835.855.283
10. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	VI.4	(1.831.355.283)	(1.889.053.914)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		3.625.804.670	4.680.019.305
1. Tạm ứng	131		29.841.686	49.534.494
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	VI.5a	3.595.962.984	4.630.484.811
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		132.671.893.607	138.543.866.923
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		41.678.050.000	41.678.050.000
1. Các khoản đầu tư	212		41.678.050.000	41.678.050.000
1.1. Đầu tư dài hạn khác	212.4	VI.3f	41.678.050.000	41.678.050.000
II. Tài sản cố định	220		18.462.445.873	13.961.649.541
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.6	5.614.527.395	4.928.332.662
- Nguyên giá	222		24.635.321.517	22.348.299.157
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(19.020.794.122)	(17.419.966.495)
2. Tài sản cố định vô hình	227	VI.7	12.847.918.478	9.033.316.879
- Nguyên giá	228		45.326.824.894	37.817.106.459
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(32.478.906.416)	(28.783.789.580)
III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240	VI.8	-	4.530.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
IV. Tài sản dài hạn khác	250		72.531.397.734	78.374.167.382
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	VI.9	1.147.900.000	1.757.300.000
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	VI.5b	2.103.378.176	2.751.662.729
3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	VI.10	12.066.996.919	9.793.188.642
4. Tài sản dài hạn khác	255	VI.11	10.021.936.927	10.001.923.443
5. Lợi thế thương mại	256	VI.12	47.191.185.712	54.070.092.568
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.016.632.784.223	2.216.064.210.338
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.614.656.991.187	967.162.506.148
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		1.611.531.491.033	956.912.469.685
1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	311	VI.13	1.580.000.000.000	491.500.000.000
1.1. Vay ngắn hạn	312		1.580.000.000.000	491.500.000.000
2. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	316	VI.14	-	399.559.750.001
3. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		3.290.320.647	2.367.991.778
4. Phải trả người bán ngắn hạn	320	VI.15	4.170.870.197	36.122.574.009
5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	VI.16	11.064.128.421	9.580.186.076
6. Phải trả người lao động	323		1.109.444.510	2.313.513.013
7. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	VI.17	8.752.762.298	14.908.816.916
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	VI.18	3.143.964.960	559.637.892
II. Nợ phải trả dài hạn	340		3.125.500.154	10.250.036.463
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356	VI.19	3.125.500.154	10.250.036.463
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.401.975.793.036	1.248.901.704.190
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.401.975.793.036	1.248.901.704.190
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.156.126.290.000	1.156.126.290.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1	VI.20	1.156.209.640.000	1.156.209.640.000
a Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		1.156.209.640.000	1.156.209.640.000
1.2 Thặng dư vốn cổ phần	411.2	VI.20	(83.350.000)	(83.350.000)
2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	412		2.763.680.745	(138.331.260.846)
3. Lợi nhuận chưa phân phối	417		241.280.114.146	229.625.787.132
3.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		215.891.355.447	216.367.655.353
3.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		25.388.758.699	13.258.131.779
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	418	VI.21	1.805.708.145	1.480.887.904
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		3.016.632.784.223	2.216.064.210.338

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (“CTCK”) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Nợ khó đòi đã xử lý	004		33.363.940.829	33.363.940.829
2. Cổ phiếu đang lưu hành	006		115.620.964	115.620.964
3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của CTCK	008		96.263.410.000	176.650.880.000
4. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của CTCK	009		10.000.000	10.000.000
5. Tài sản tài chính chờ về của CTCK	010		5.264.290.000	450.000.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư	021	VII.1	2.592.054.920.000	2.382.371.970.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		2.441.323.430.000	2.118.632.590.000
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		7.005.320.000	3.845.240.000
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		-	54.480.000.000
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		102.733.570.000	111.690.200.000
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		40.992.600.000	93.723.940.000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022		15.541.290.000	9.993.630.000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		1.760.130.000	1.760.130.000
b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		13.781.160.000	8.233.500.000
3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023		30.367.860.000	38.125.890.000
4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của Nhà đầu tư	024.b		260.000.000.000	260.000.000.000
5. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	025		-	70.250.000
6. Tiền gửi của khách hàng	026	VII.2	138.339.616.961	125.244.111.194
6.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		68.443.987.580	66.340.180.896
Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC	027.1		1.043.398.289	159.067.000
6.2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028		69.894.519.446	58.902.820.363
6.3. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030		1.109.935	1.109.935

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
7.	Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	VII.3	68.443.987.580	66.340.180.896
7.1.	<i>Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	031.1		66.965.625.255	66.220.704.739
7.2.	<i>Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	031.2		1.478.362.325	119.476.157
8.	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	VII.3	1.109.935	1.109.935

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		205.569.477.985	73.517.036.462
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	VIII.1	179.189.193.161	53.337.477.025
b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	01.2	VIII.2	24.760.304.324	17.039.167.317
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	VIII.3	1.619.980.500	3.140.392.120
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	VIII.3	49.392.099.554	13.818.793.714
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	VIII.3	88.666.196.423	84.147.313.607
1.4. Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	04	VIII.3	9.682.520.000	20.085.100.400
1.5. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	VIII.4	34.609.536.853	30.170.563.407
1.6. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08	VIII.4	120.000.000	152.019.022
1.7. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	VIII.4	748.900.073	961.063.215
1.8. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		-	20.000.000
1.9. Thu nhập hoạt động khác	11	VIII.4	6.321.471.244	5.944.788.722
Cộng doanh thu hoạt động	20		395.110.202.132	228.816.678.549
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		175.140.728.796	37.623.730.742
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	VIII.1	155.386.515.083	26.129.048.003
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	21.2	VIII.2	19.754.213.713	11.494.682.739
2.2. Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại	23	VIII.5	9.059.818.338	-
2.3. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí lãi vay của các khoản cho vay	24		42.419.424.144	679.503.228
2.4. Chi phí hoạt động tự doanh	26		4.381.777.290	1.474.813.346
2.5. Chi phí môi giới chứng khoán	27	VIII.6	37.693.178.260	31.113.964.633
2.6. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28		-	-
2.7. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		1.269.773.288	1.128.967.805
2.8. Chi phí các dịch vụ khác	32		6.078.357.880	4.162.469.659
Cộng chi phí hoạt động	40		276.043.057.996	76.183.449.413

III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
3.1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		1.884.116.935	1.148.037.775
3.2. Doanh thu khác về đầu tư	44		-	470.120.000
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		1.884.116.935	1.618.157.775
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1. Chi phí lãi vay	52	VIII.7	56.436.526.058	44.247.443.674
4.2. Chi phí tài chính khác	55	VIII.7	440.249.999	406.750.001
Cộng chi phí tài chính	60		56.876.776.057	44.654.193.675
V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	VIII.8	47.043.337.579	50.256.867.053
VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	70		17.031.147.435	59.340.326.183
VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
7.1. Thu nhập khác	71		614.182.221	1.479.426.949
7.2. Chi phí khác	72	VIII.9	3.180.385.637	2.049.308.752
Cộng kết quả hoạt động khác	80		(2.566.203.416)	(569.881.803)
VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	90		14.464.944.019	58.770.444.380
8.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		9.458.853.408	53.225.959.802
8.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		5.006.090.611	5.544.484.578
IX. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		2.423.139.052	1.728.305.305
9.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	VI.16	9.547.675.361	8.047.784.185
9.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		(7.124.536.309)	(6.319.478.880)
X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	200		12.041.804.967	57.042.139.075
10.1 Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho chủ sở hữu	201		11.716.984.726	56.740.648.562
10.2 Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	203		324.820.241	301.490.513
XI. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	300		141.094.941.591	(128.283.339.140)
11.1. Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	301		141.094.941.591	(128.283.339.140)
TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN	400		141.094.941.591	(128.283.339.140)
XII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500			
12.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)	501	VIII.10	101	491

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận/(lỗ) trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01		14.464.944.019	58.770.444.380
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02		63.034.452.540	41.754.236.656
- Khấu hao TSCĐ	03	VI.6, 7, 12	13.188.050.524	11.993.064.836
- Các khoản dự phòng	04	VI.4	(57.698.631)	(2.845.256.086)
- Chi phí lãi vay	06		98.855.950.202	47.095.591.619
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07	VIII.6, 7	(36.097.792.215)	(10.860.966.363)
- Dự thu tiền lãi	08	VIII.3	(12.854.057.340)	(3.628.197.350)
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		28.814.032.051	11.494.682.739
- Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11	VIII.2	19.754.213.713	11.494.682.739
- Lỗ về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS khi phân loại lại	14		9.059.818.338	-
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		(24.760.304.324)	(17.039.167.317)
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19	VIII.2	(24.760.304.324)	(17.039.167.317)
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		(865.873.619.684)	(614.206.044.302)
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		(3.198.655.139)	(12.019.617.922)
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32		(586.603.889.447)	(439.996.110.553)
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		(107.920.844.120)	38.541.130.429
- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS	34		(15.637.687.997)	(155.054.546.540)
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính	35		(17.552.841.400)	2.722.537.500
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		6.939.379.572	2.400.075.937
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		1.723.187.785	(1.921.997.634)
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	39		4.399.961	(4.500.000)
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		(2.521.963.353)	(11.344.151.741)
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		2.795.367.868	(1.886.293.817)
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		1.682.806.380	(3.062.931.916)
- (-) Thuế TNDN đã nộp	43		(8.110.441.897)	(9.033.657.039)
- (-) Lãi vay đã trả	44		(107.807.372.688)	(34.586.231.169)
- Tăng (giảm) phải trả người bán	45		(31.951.703.812)	11.107.056.509
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		(15.948.831)	408.976.063

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		(1.204.068.503)	1.955.718.232
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		3.506.655.937	(2.431.500.641)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(784.320.495.398)	(519.225.847.844)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61	VI.6, 7, 8	(6.279.940.000)	(7.051.882.900)
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	64		-	25.333.064.120
3. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65	VIII.3	36.538.042.214	10.190.596.364
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		30.258.102.214	28.471.777.584
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền vay gốc	73		4.369.342.767.703	2.084.390.300.000
1.1. Tiền vay khác	73.2	VI.13	4.369.342.767.703	2.084.390.300.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	74		(3.680.842.767.703)	(1.692.890.300.000)
2.1. Tiền chi trả gốc vay khác	74.3	VI.13, 14	(3.680.842.767.703)	(1.692.890.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		688.500.000.000	391.500.000.000
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong năm	90		(65.562.393.184)	(99.254.070.260)
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	VI.1	264.497.973.756	363.752.044.016
- Tiền	101.1		71.517.973.756	49.107.919.355
- Các khoản tương đương tiền	101.2		192.980.000.000	314.644.124.661
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	103	VI.1	198.935.580.572	264.497.973.756
- Tiền	103.1		10.511.539.476	71.517.973.756
- Các khoản tương đương tiền	103.2		188.424.041.096	192.980.000.000

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		13.585.442.853.620	12.923.387.327.219
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(13.785.828.699.670)	(12.098.139.058.719)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		340.908.263.058	(698.393.956.741)
Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC	07.1		884.331.289	159.067.000
4. Nhận tiền gửi của Nhà đầu tư cho hoạt động ủy thác đầu tư của khách hàng	09		216.248.758.622	166.375.395.213

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
5. Chi trả cho hoạt động ủy thác đầu tư của khách hàng	10		(210.341.646.039)	(176.042.752.992)
6. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng, phí khác	11		(134.218.355.113)	(137.609.599.414)
7. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		75.214.348.634	40.494.891.355
8. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		(75.214.348.634)	(40.494.891.355)
Tăng tiền thuần trong năm	20		13.095.505.767	(20.263.578.434)
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30	VII.2	125.244.111.194	145.507.689.628
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31		125.244.111.194	145.507.689.628
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		66.340.180.896	66.027.442.951
<i>Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC</i>			<i>159.067.000</i>	<i>-</i>
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33		58.902.820.363	79.479.136.742
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35		1.109.935	1.109.935
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	40	VII.2	138.339.616.961	125.244.111.194
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41		138.339.616.961	125.244.111.194
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		68.443.987.580	66.340.180.896
<i>Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC</i>			<i>1.043.398.289</i>	<i>159.067.000</i>
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43		69.894.519.446	58.902.820.363
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45		1.109.935	1.109.935

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Thay đổi trong năm				Số dư cuối năm	
		Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024		Năm 2025		Năm 2024	Năm 2025
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
I. Biến động vốn chủ sở hữu									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	VI.20	1.009.716.470.000	1.156.126.290.000	146.409.820.000	-	-	-	1.156.126.290.000	1.156.126.290.000
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.009.799.820.000	1.156.209.640.000	146.409.820.000	-	-	-	1.156.209.640.000	1.156.209.640.000
1.2 Thặng dư vốn cổ phần		(83.350.000)	(83.350.000)	-	-	-	-	(83.350.000)	(83.350.000)
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý		(10.047.921.706)	(138.331.260.846)	67.924.082.410	196.207.421.550	233.514.791.986	92.419.850.395	(138.331.260.846)	2.763.680.745
3. Lợi nhuận chưa phân phối		319.294.958.570	229.625.787.132	72.732.436.596	162.401.608.034	126.104.780.616	114.450.453.602	229.625.787.132	241.280.114.146
3.1 Lợi nhuận đã thực hiện		317.900.790.249	216.367.655.353	49.373.790.399	150.906.925.295	113.974.153.696	114.450.453.602	216.367.655.353	215.891.355.447
3.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		1.394.168.321	13.258.131.779	23.358.646.197	11.494.682.739	12.130.626.920	-	13.258.131.779	25.388.758.699
4. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		1.179.397.391	1.480.887.904	301.490.513	-	324.820.241	-	1.480.887.904	1.805.708.145
Cộng		1.320.142.904.255	1.248.901.704.190	287.367.829.519	358.609.029.584	359.944.392.843	206.870.303.997	1.248.901.704.190	1.401.975.793.036
II. Thu nhập toàn diện khác									
1. Lãi, lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	VI.3e	(10.047.921.706)	(138.331.260.846)	67.924.082.410	196.207.421.550	233.514.791.986	92.419.850.395	(138.331.260.846)	2.763.680.745
Cộng		(10.047.921.706)	(138.331.260.846)	67.924.082.410	196.207.421.550	233.514.791.986	92.419.850.395	(138.331.260.846)	2.763.680.745

(i) Thuế Thu nhập doanh nghiệp truy thu các năm trước đã trừ vào lợi nhuận chưa phân phối kỳ này với số tiền là 62.657.712 VND (xem thuyết minh số VI.16).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Giấy phép thành lập và hoạt động

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công (sau đây gọi tắt là “Công ty” hoặc “Công ty mẹ”) thành lập và hoạt động theo:

- Giấy phép thành lập và hoạt động số 81/UBCK-GP ngày 31 tháng 01 năm 2008 và Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 36/GPĐC-UBCK ngày 02 tháng 7 năm 2025 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305477911 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 01 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 21 tháng 8 năm 2025 do Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh cấp.

2. Địa chỉ liên hệ

Trụ sở hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán của Công ty mẹ tại lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh.

3. Điều lệ hoạt động

Điều lệ hoạt động sửa đổi lần thứ 13 của Công ty mẹ ban hành ngày 17 tháng 4 năm 2025.

4. Những đặc điểm chính về hoạt động

- Quy mô vốn:
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng vốn điều lệ của Công ty mẹ là 1.156.209.640.000 VND, vốn chủ sở hữu là 1.401.975.793.036 VND, tổng tài sản là 3.016.632.784.223 VND.
- Mục tiêu hoạt động:
Hoạt động chính của Công ty là: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.
- Hạn chế đầu tư:
Công ty tuân thủ quy định về hạn chế đầu tư tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 (sau đây gọi tắt là “Thông tư số 121”) của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán và được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 3, Điều 3, Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 (sau đây gọi tắt là “Thông tư số 68”), cụ thể như sau:
 - Công ty không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty.
 - Công ty mua, đầu tư bất động sản để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản đầu tư không được vượt quá 50% tổng tài sản của Công ty.
 - Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của Công ty không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Công ty không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
 - ✓ Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên 50% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - ✓ Cùng với người có liên quan đầu tư từ 5% trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - ✓ Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - ✓ Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết; quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - ✓ Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - ✓ Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - ✓ Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- Công ty được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này Công ty không phải tuân thủ các quy định sau:
 - ✓ Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - ✓ Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết; quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - ✓ Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh.

Bên cạnh đó, Công ty dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:

- ✓ Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh mà Công ty đang thực hiện;
- ✓ Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt 180%;
- ✓ Công ty sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ các quy định về hạn chế vay nợ quy định tại Điều 26, Thông tư số 121 và hạn chế đầu tư quy định tại Khoản 3, Điều 28 và Điểm e, Khoản 4, Điều 28, Thông tư số 121, cụ thể như sau:

Hạn chế vay nợ:

- + Tỷ lệ tổng nợ trên vốn chủ sở hữu của Công ty không vượt quá 5 lần. Giá trị tổng nợ theo quy định này không bao gồm: tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng; quỹ khen thưởng, phúc lợi; dự phòng trợ cấp mất việc làm; dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư;
- + Nợ ngắn hạn của Công ty tối đa bằng tài sản ngắn hạn;
- + Công ty chào bán trái phiếu thực hiện theo quy định tại Luật Chứng khoán, Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp và phải đảm bảo tuân thủ tỷ lệ quy định nêu trên.

Hạn chế đầu tư:

- + Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của Công ty không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- + Công ty không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh.
- Trường hợp Công ty đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của Công ty hoặc tổ chức góp vốn, Công ty phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định tại Khoản 2, 3 và 4; Điều 28; Thông tư số 121 tối đa trong thời hạn 1 năm.
- Trường hợp Công ty thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 9a, Thông tư số 120/2020/TT-BTC về thực hiện giao dịch mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền khi đặt lệnh của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức dẫn đến vượt quá hạn mức đầu tư quy định tại Khoản 4, Điều 28, Thông tư số 121 thì Công ty không được tiếp tục nhận lệnh mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức cho đến khi đáp ứng hạn mức đầu tư và phải áp dụng các biện pháp cần thiết trong thời hạn tối đa 1 năm để tuân thủ hạn mức đầu tư.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 08/2026/TT-BTC ("Thông tư số 08") sửa đổi, bổ sung nhiều thông tư có liên quan về quản lý hoạt động của các công ty chứng khoán, trong đó Điều 14 của Thông tư số 08 bổ sung thêm Khoản 8 và Khoản 9 vào sau Khoản 7, Điều 9, Thông tư số 121 đã được bổ sung bởi Khoản 3, Điều 3, Thông tư số 68 về các nội dung sau:

- Trường hợp Công ty thực hiện theo quy định tại Khoản 9, Điều 16, Thông tư số 121 về thực hiện giao dịch mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền khi đặt lệnh của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức dẫn đến vượt quá hạn mức đầu tư tại các Điểm a, c, d, đ, e và g, Khoản 4, Điều 28, Thông tư số 121 thì Công ty không được nhận lệnh mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, không được ký kết, thực hiện hợp đồng thỏa thuận nhận chuyển quyền sở hữu số cổ phiếu không được thực hiện thanh toán cho đến khi đáp ứng hạn mức đầu tư và phải áp dụng các biện pháp cần thiết trong thời hạn tối đa 1 năm để tuân thủ hạn mức đầu tư.
- Công ty thực hiện theo quy định tại Khoản 9, Điều 16, Thông tư số 121 phải đảm bảo tuân thủ quy định tại Điểm b, Khoản 4, Điều 28, Thông tư số 121.

Công ty tuân thủ các quy định về hạn chế đầu tư bổ sung của Thông tư số 08 từ ngày 03 tháng 02 năm 2026.

• Cấu trúc Tập đoàn

- Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 2 Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công (TCAM)	Số 550 Âu Cơ, phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán	100%	100%	100%
Quỹ đầu tư Thành Công (TCIF)	Số 550 Âu Cơ, phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh	Đầu tư vào chứng khoán hoặc các dạng tài sản đầu tư khác, kể cả bất động sản	98%	98%	98%

- Công ty không có công ty liên kết và không có đơn vị trực thuộc.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn có 72 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 102 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính hàng năm của các công ty trong Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Các công ty trong Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán: Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 23/2018/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán chứng quyền có bảo đảm đối với công ty chứng khoán là tổ chức phát hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Báo cáo tình hình tài chính giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn của Tập đoàn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng của Tập đoàn kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của Tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

4. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

5. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
 - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Tập đoàn.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau khi ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngay khi phát sinh.

6. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán; hoặc không được phân loại là các khoản cho vay và các khoản phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn; trừ trường hợp tài sản tài chính là công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị của nó không thể xác định một cách đáng tin cậy, tiếp tục được ghi nhận theo giá gốc.

Chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý so với năm trước được thể hiện trên khoản mục "Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán" thuộc phần "Thu nhập toàn diện khác" trên Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, Công ty đánh giá liệu có bằng chứng khách quan cho thấy tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị hay không. Đối với công cụ vốn, bằng chứng suy giảm bao gồm việc giá trị hợp lý giảm đáng kể hoặc kéo dài xuống thấp hơn giá gốc; trong đó "đáng kể" được xem xét trên mức độ chênh lệch so với giá gốc và "kéo dài" được đánh giá theo thời gian giá trị hợp lý duy trì dưới giá gốc. Khi xác định có suy giảm giá trị, toàn bộ khoản lỗ lũy kế liên quan đến tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị đã ghi nhận trong khoản mục "Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý" thuộc vốn chủ sở hữu được tái phân loại và ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất tại chỉ tiêu "Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại". Khoản lỗ suy giảm được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

7. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như: phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ phải trả tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của sự suy giảm giá trị có thể bao gồm giá thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi và gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định dựa trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí lãi vay của các khoản cho vay".

8. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành áp dụng cho công ty chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán;
- Hợp đồng cho vay các tài sản tài chính khác.

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Dự phòng các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản bảo đảm cho khoản vay và số dư của khoản vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí lãi vay của các khoản cho vay".

9. Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Tập đoàn không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Tập đoàn chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và
 - Tập đoàn chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Tập đoàn không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Tập đoàn chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Tập đoàn. Trong trường hợp đó, Tập đoàn cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Tập đoàn giữ lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Phân loại lại tài sản tài chính

Tập đoàn được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất - Chênh lệch đánh giá lại theo giá trị hợp lý.

11. Giá thị trường/giá trị hợp lý của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Đối với các tài sản tài chính có giá niêm yết hoặc có thể xác định được giá thị trường, giá trị được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý được ghi nhận theo quy định áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính.

Giá thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh căn cứ vào giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày lập Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất trước thời điểm lập Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách và tình hình tài chính của tổ chức phát hành tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.
- Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

12. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu bán các tài sản tài chính, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính, dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận, phải thu dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính, dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận, phải thu dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí quản lý công ty chứng khoán".

13. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là: chi phí công cụ, dụng cụ; chi phí thuê văn phòng, sửa chữa cải tạo văn phòng và chi phí viễn thông, cước đường truyền.

Chi phí công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí thuê văn phòng, sửa chữa cải tạo văn phòng và chi phí viễn thông, cước đường truyền

Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng căn cứ vào kỳ hạn hiệu lực của hợp đồng và không quá 3 năm.

14. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

15. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc, thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị văn phòng	6 - 8

16. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn chủ yếu là phần mềm. Nguyên giá của phần mềm là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian từ 3 đến 8 năm.

17. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động hợp nhất nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

18. Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản phải trả cho Sở Giao dịch chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và phải trả đại lý phát hành của Công ty chứng khoán;
- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán; cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

19. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận vào vốn điều lệ theo giá gốc.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất thuộc danh mục tài sản tài chính của Tập đoàn.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất của Tập đoàn ngoài khoản lãi/lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

20. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu cung cấp dịch vụ (nếu có). Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận căn cứ vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ có thể được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của các loại chứng khoán.

Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định, nhượng bán tài sản cố định; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được từ các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí các năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – Doanh thu và thu nhập khác.

21. Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Tập đoàn áp dụng phương pháp bình quân di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra.

22. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

26. Các khoản mục không có số liệu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản mục không được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số liệu.

V. QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Tập đoàn để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

1. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các tài sản tài chính, các khoản phải thu và các tài sản khác.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi ở các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận Quản trị rủi ro của Tập đoàn. Rủi ro tín dụng tối đa đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất là giá trị ghi sổ. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các tài sản tài chính

Tập đoàn quản lý rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản đầu tư vào các tài sản tài chính thông qua chính sách, quy trình và thủ tục kiểm soát của Tập đoàn. Tập đoàn chỉ đầu tư vào các loại cổ phiếu, trái phiếu và chứng chỉ quỹ của các đơn vị có tình hình tài chính tốt, ổn định và sở hữu các thương hiệu lớn ở Việt Nam. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với các tài sản tài chính là thấp.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của Tập đoàn gồm: phải thu bán các tài sản tài chính; phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính; các khoản cho vay và các khoản phải thu khác.

Tập đoàn quản lý rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu về cho vay thông qua chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Tập đoàn có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng. Tập đoàn chỉ thực hiện cho vay ký quỹ với các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ theo Quy chế cho vay ký quỹ. Hạn mức tín dụng được kiểm soát trên cơ sở giá trị tài sản bảo đảm, tín nhiệm giao dịch của khách hàng.

Tập đoàn quản lý rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu còn lại thông qua chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát có liên quan. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu hồi được. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn thực hiện xem xét suy giảm chất lượng tín dụng thường xuyên. Tập đoàn tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu có liên quan đến nhiều đối tượng khác nhau nên rủi ro tín dụng không bị tập trung vào một đối tượng đáng kể nào.

Ngoại trừ khoản phải thu khó đòi đã được lập dự phòng tại thuyết minh số VI.4. Tất cả các tài sản tài chính của Tập đoàn đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

2. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng từ 1 năm trở xuống.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá chứng khoán.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Tập đoàn. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Tập đoàn nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Tập đoàn không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì đa phần các khoản tiền gửi ngân hàng có lãi suất cố định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ảnh hưởng về giá chứng khoán được ghi nhận kịp thời hàng kỳ vào Báo cáo tài chính hàng kỳ của Tập đoàn. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá ảnh hưởng nếu có là không đáng kể.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	-	12.963.555
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	10.511.539.476	71.505.010.201
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	188.424.041.096	192.980.000.000
Cộng	<u>198.935.580.572</u>	<u>264.497.973.756</u>

2. Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm

	<u>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm</u>	<u>Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm</u>
Của Tập đoàn	168.274.158	9.032.299.810.242
Cổ phiếu	118.414.158	3.180.259.680.242
Trái phiếu	49.860.000	5.852.040.130.000
Của nhà đầu tư	1.338.281.059	27.313.075.404.500
Cổ phiếu	1.320.288.169	27.232.061.861.210
Trái phiếu	522.250	53.130.231.870
Chứng khoán khác	17.470.640	27.883.311.420
Cộng	<u>1.506.555.217</u>	<u>36.345.375.214.742</u>

3. Các loại tài sản tài chính

3a. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Cổ phiếu niêm yết	74.416.437.639	79.422.528.250	65.673.297.922	71.217.782.500
VIB	4.119.289.013	4.437.500.000	9.455.272.728	9.897.280.000
ACB	-	-	9.768.345.652	12.126.645.000
TCB	3.883.416.000	5.235.000.000	15.684.916.020	17.255.000.000
HPG	8.693.779.121	9.900.000.000	2.775.326.400	2.665.000.000
CTG	11.817.190.114	12.926.878.250	-	-
Cổ phiếu niêm yết khác	45.902.763.391	46.923.150.000	27.989.437.122	29.273.857.500
Cổ phiếu chưa niêm yết	10.700.000	-	10.700.000	-
TRI	10.700.000	-	10.700.000	-
Cộng	<u>74.427.137.639</u>	<u>79.422.528.250</u>	<u>65.683.997.922</u>	<u>71.217.782.500</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các mã cổ phiếu niêm yết được nắm giữ bởi các công ty con và được ghi nhận vào mục “Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)” theo mục đích nắm giữ của các công ty con này.

3b. Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết	669.547.086.843	653.645.512.250	653.969.398.846	515.144.262.000
BBT ⁽ⁱ⁾	33.056.520.000	23.718.520.000	23.718.520.000	12.512.920.000
KDH	99.410.148.201	97.790.490.000	-	-
TCB	29.715.510.000	29.665.000.000	112.147.098.911	116.323.350.000
QTP	34.760.674.714	28.278.750.000	78.844.986.990	74.680.200.000
HTP	9.619.818.338	560.000.000	170.599.926.660	19.862.320.800
HPG	124.760.412.473	127.705.776.000	6.181.408.800	5.996.250.000
CTG	130.167.229.515	141.751.145.250	-	-
Cổ phiếu niêm yết khác	208.056.773.602	204.175.831.000	262.477.457.485	285.769.221.200
Cổ phiếu chưa niêm yết	47.000.000.000	56.605.437.000	47.000.000.000	47.493.876.000
TCGF ⁽ⁱⁱ⁾	47.000.000.000	56.605.437.000	47.000.000.000	47.493.876.000
Cộng	716.547.086.843	710.250.949.250	700.969.398.846	562.638.138.000

(i) Mã chứng khoán của Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết (là bên liên quan).

(ii) Chứng chỉ quỹ của Quỹ đầu tư tăng trưởng Thành Công (là bên liên quan).

Các mã cổ phiếu được nắm giữ bởi Công ty mẹ và Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công (công ty con) được ghi nhận vào mục “Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)” theo mục đích nắm giữ đầu tư.

Toàn bộ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) tại Công ty mẹ có giá trị hợp lý là 528.999.782.500 VND đã được dùng làm tài sản bảo đảm bổ sung cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TNHH Indovina (xem thuyết minh số VI.13).

3c. Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng tại các Ngân hàng:		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	60.000.000	70.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ⁽ⁱⁱⁱ⁾	115.800.000.000	115.000.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong ⁽ⁱ⁾	70.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga ⁽ⁱ⁾	140.000.000.000	169.996.110.553
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	100.800.000.000	85.000.000.000
Ngân hàng TNHH Indovina ⁽ⁱ⁾	445.000.000.000	-
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Ngoại thương Công nghệ số (VCBNeo) ⁽ⁱⁱ⁾	150.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	10.000.000.000	-
Cộng	1.031.660.000.000	444.996.110.553

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong, Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga và Ngân hàng TNHH Indovina với số tiền tương ứng là 70.000.000.000 VND, 140.000.000.000 VND và 445.000.000.000 VND đã được dùng làm tài sản bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn tại chính các Ngân hàng này (xem thuyết minh số VI.13).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (ii) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Ngoại thương Công nghệ số (VCBNeo) với số tiền tương ứng là 115.000.000.000 VND, 85.000.000.000 VND, 150.000.000.000 VND đã được dùng làm tài sản bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (xem thuyết minh số VI.13).

3d. Các khoản cho vay

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Gốc cho vay giao dịch ký quỹ	787.775.424.435	787.775.424.435	598.938.859.874	598.938.859.874
Gốc ứng trước tiền bán chứng khoán	27.589.770.087	27.589.770.087	108.505.490.528	108.505.490.528
Cộng	815.365.194.522	815.365.194.522	707.444.350.402	707.444.350.402

Quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ giữa Tập đoàn và các khách hàng liên quan đến khoản vay giao dịch ký quỹ của Tập đoàn đã được dùng làm bảo đảm bổ sung cho các khoản vay của Tập đoàn tại các Ngân hàng TNHH Indovina (xem thuyết minh số VI.13).

3e. Tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá trị thị trường cuối năm

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:

STT	Tài sản tài chính	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị cuối năm	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại
				Tăng	Giảm ⁽ⁱ⁾	
I.	Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	74.427.137.639	79.422.528.250	6.970.379.371	1.974.988.760	79.422.528.250
1.	Cổ phiếu niêm yết	74.416.437.639	79.422.528.250	6.970.379.371	1.964.288.760	79.422.528.250
2.	Cổ phiếu hủy niêm yết	10.700.000	-	-	10.700.000	-
II.	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	716.547.086.843	710.250.949.250	31.110.773.656	37.406.911.249	710.250.949.250
	Cộng	790.974.224.482	789.673.477.500	38.081.153.027	39.381.900.009	789.673.477.500

- (i) Trong đó khoản chênh lệch lỗ suy giảm giá trị của mã chứng khoán HTP là 9.059.818.338 VND được phản ánh vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất tại chỉ tiêu "Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại" (xem thuyết minh số VIII.5).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

STT	Tài sản tài chính	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị cuối năm	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại
				Tăng	Giảm	
I.	Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	65.683.997.922	71.217.782.500	5.544.484.578	10.700.000	71.217.782.500
1.	Cổ phiếu niêm yết	65.673.297.922	71.217.782.500	5.544.484.578	-	71.217.782.500
2.	Cổ phiếu hủy niêm yết	10.700.000	-	-	10.700.000	-
II.	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	700.969.398.846	562.638.138.000	493.876.000	138.825.136.846	562.638.138.000
	Cộng	766.653.396.768	633.855.920.500	6.038.360.578	138.835.836.846	633.855.920.500

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3f. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam ⁽ⁱ⁾	27.211.800.000	27.211.800.000
Công ty Cổ phần Iris Land ⁽ⁱⁱ⁾	4.406.250.000	4.406.250.000
Công ty Cổ phần TQ Landscape ⁽ⁱⁱⁱ⁾	10.060.000.000	10.060.000.000
Cộng	<u>41.678.050.000</u>	<u>41.678.050.000</u>

(i) Tập đoàn sở hữu 358.050 cổ phần tương đương với 2,13% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam.

(ii) Tập đoàn sở hữu 375.000 cổ phiếu, tương đương 15% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Iris Land.

(iii) Tập đoàn sở hữu 1.000.000 cổ phiếu, tương đương 10% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần TQ Landscape.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ số lượng cổ phiếu đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Iris Land và Công ty Cổ phần TQ Landscape với giá chuyển nhượng tương đương với giá gốc. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn chưa có kế hoạch chính thức về việc chuyển nhượng các khoản đầu tư này, do đó các khoản đầu tư này vẫn được phân loại là khoản đầu tư dài hạn.

4. Các khoản phải thu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính	17.552.841.400	-
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	22.934.741.855	17.020.064.087
Phải thu lãi giao dịch ký quỹ	10.080.684.515	7.312.186.737
Phải thu cổ tức - cổ phiếu phổ thông	-	6.079.680.000
Dự thu lãi tiền gửi	12.854.057.340	3.628.197.350
Trả trước cho người bán	1.031.234.400	174.000.000
Phải thu dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	3.181.915.658	4.905.103.443
Phải thu hoa hồng môi giới chứng khoán	114.102.876	168.387.113
Phải thu thuế Thu nhập cá nhân chuyển nhượng chứng khoán của nhà đầu tư	95.621.875	174.089.623
Phải thu dịch vụ khác	2.972.190.907	4.562.626.707
Phải thu khác	1.831.455.322	1.835.855.283
Phải thu Ông Đoàn Quang Sang ⁽ⁱ⁾	1.758.671.133	1.758.671.133
Phải thu khác	72.784.189	77.184.150
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(1.831.355.283)	(1.889.053.914)
Cộng	<u>44.700.833.352</u>	<u>22.045.968.899</u>

(i) Khoản phải thu Ông Đoàn Quang Sang – cổ đông của Công ty mẹ, tương ứng với giá trị của 400.000 cổ phiếu liên quan đến vụ kiện giữa Công ty mẹ và Ông Nguyễn Thành Chung.

Ông Đoàn Quang Sang đã ủy quyền toàn bộ quyền và nghĩa vụ liên quan đến 200.000 cổ phiếu (tương đương 2.000.000.000 VND) cho người đại diện pháp luật của Công ty mẹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ngày 04 tháng 8 năm 2021, Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã ra Bản án số 1145/2020/KDTM-ST tuyên xử chấp thuận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty mẹ, buộc Ông Đoàn Quang Sang phải thanh toán số tiền 6.469.120.000 VND, bao gồm tiền nợ gốc 4.000.000.000 VND và các khoản khác với số tiền là 2.469.120.000 VND. Ngày 17 tháng 02 năm 2021, Cục thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh cũng đã có Quyết định số 1586/QĐ-CTHADS cho thi hành bản án.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty mẹ đã nhận được một phần số tiền nêu trên, Tập đoàn đã trích lập đủ 100% giá trị khoản phải thu với số tiền còn lại chưa thu hồi được.

Biến động dự phòng suy giảm các khoản phải thu trong năm

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(1.889.053.914)	(4.734.310.000)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	57.698.631	2.845.256.086
Số cuối năm	<u>(1.831.355.283)</u>	<u>(1.889.053.914)</u>

5. Chi phí trả trước

5a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	14.735.520	30.904.085
Thuê văn phòng	968.760.000	2.326.500.000
Viễn thông, cước đường truyền	1.928.150.339	1.340.033.672
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	684.317.125	933.047.054
Cộng	<u>3.595.962.984</u>	<u>4.630.484.811</u>

5b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ, vật dụng văn phòng	244.046.035	634.406.726
Sửa chữa, cải tạo văn phòng	1.437.341.992	1.369.552.606
Viễn thông, cước đường truyền, bảo trì	14.645.048	22.034.518
Chi phí trả trước dài hạn khác	407.345.101	725.668.879
Cộng	<u>2.103.378.176</u>	<u>2.751.662.729</u>

6. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Máy móc thiết bị</u>	<u>Thiết bị văn phòng</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	21.595.053.130	753.246.027	22.348.299.157
Mua trong năm	3.050.340.000	-	3.050.340.000
Thanh lý, nhượng bán	(763.317.640)	-	(763.317.640)
Số cuối năm	<u>23.882.075.490</u>	<u>753.246.027</u>	<u>24.635.321.517</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	8.615.824.490	232.700.000	8.848.524.490
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	17.020.815.239	399.151.256	17.419.966.495
Khấu hao trong năm	2.274.615.727	89.529.540	2.364.145.267
Thanh lý, nhượng bán	(763.317.640)	-	(763.317.640)
Số cuối năm	<u>18.532.113.326</u>	<u>488.680.796</u>	<u>19.020.794.122</u>

Giá trị còn lại

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Máy móc thiết bị</u>	<u>Thiết bị văn phòng</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	4.574.237.891	354.094.771	4.928.332.662
Số cuối năm	5.349.962.164	264.565.231	5.614.527.395

7. Tài sản cố định vô hình

	<u>Phần mềm</u>	<u>Tài sản vô hình khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	37.231.806.459	585.300.000	37.817.106.459
Mua sắm mới	3.079.600.000	-	3.079.600.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.680.000.000	-	4.680.000.000
Thanh lý, nhượng bán	(249.881.565)	-	(249.881.565)
Số cuối năm	44.741.524.894	585.300.000	45.326.824.894
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	18.616.365.894	585.300.000	19.201.665.894
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	28.289.798.451	493.991.129	28.783.789.580
Khấu hao trong năm	3.853.689.530	91.308.871	3.944.998.401
Thanh lý, nhượng bán	(249.881.565)	-	(249.881.565)
Số cuối năm	31.893.606.416	585.300.000	32.478.906.416
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	8.942.008.008	91.308.871	9.033.316.879
Số cuối năm	12.847.918.478	-	12.847.918.478

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu là các chi phí mua sắm, bảo trì phần mềm máy tính đã được ghi nhận vào tài sản cố định vô hình trong năm.

9. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đặt cọc thuê văn phòng	1.080.000.000	1.080.000.000
Ký quỹ taxi	23.000.000	23.000.000
Ký quỹ khác	44.900.000	654.300.000
Cộng	1.147.900.000	1.757.300.000

10. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán phản ánh khoản tiền ký quỹ tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC).

Theo Quyết định hiện hành số 40/QĐ-HĐTV ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) về Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120.000.000 VND tại VSDC và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% trên giá trị giao dịch môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền, trái phiếu doanh nghiệp (ngoại trừ trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ) giao dịch tại các Sở Giao dịch chứng khoán được thanh toán của năm liền trước nhưng không quá 2.500.000.000 VND/năm.

Biến động khoản tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	10.094.484.043	8.400.417.326
Tiền lãi phân bổ hàng năm	1.852.512.876	1.272.771.316
Tổng cộng	<u>12.066.996.919</u>	<u>9.793.188.642</u>

11. Tài sản dài hạn khác

Tài sản dài hạn khác là khoản nợ Quỹ Bù trừ phái sinh trong năm.

Theo Thông tư số 58/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 7 năm 2021 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh, Tập đoàn phải đóng góp vào Quỹ Bù trừ phái sinh với giá trị tối thiểu ban đầu là 10.000.000.000 VND tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam đối với thành viên bù trừ trực tiếp và hàng tháng Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện đánh giá lại quy mô Quỹ Bù trừ và xác định nghĩa vụ đóng góp Quỹ Bù trừ của từng thành viên căn cứ vào quy mô giao dịch, mức biến động giá trên thị trường, nghĩa vụ tài chính, mức độ rủi ro và các tiêu chí khác.

Khoản đóng góp của từng thành viên bù trừ định kỳ được đánh giá lại đảm bảo không thấp hơn mức đóng góp tối thiểu ban đầu theo quy định.

Trường hợp số dư đóng góp Quỹ Bù trừ lớn hơn nghĩa vụ phải đóng góp, thành viên bù trừ được rút phần chênh lệch.

Trường hợp số dư đóng góp Quỹ Bù trừ nhỏ hơn nghĩa vụ phải đóng góp, thành viên bù trừ phải đóng góp bổ sung phần chênh lệch.

12. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh do hợp nhất kinh doanh liên quan đến công ty con. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công</u>
Nguyên giá	
Số đầu năm	68.789.068.614
Số cuối năm	<u>68.789.068.614</u>
Số đã phân bổ	
Số đầu năm	14.718.976.046
Phân bổ trong năm	6.878.906.856
Số cuối năm	<u>21.597.882.902</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	54.070.092.568
Số cuối năm	<u>47.191.185.712</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Vay ngắn hạn

Chi tiết phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số vay trong năm	Số trả trong năm	Số cuối năm
Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga ⁽ⁱ⁾	300.000.000.000	887.946.700.000	(987.946.700.000)	200.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	191.500.000.000	1.281.000.000.000	(1.131.000.000.000)	341.500.000.000
Ngân hàng TNHH Indovina ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	1.779.085.530.000	(889.085.530.000)	890.000.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong ^(iv)	-	100.000.000.000	-	100.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	142.810.537.703	(142.810.537.703)	-
Vay các cá nhân khác ^(v)	-	178.500.000.000	(130.000.000.000)	48.500.000.000
Cộng	491.500.000.000	4.369.342.767.703	(3.280.842.767.703)	1.580.000.000.000

- (i) Khoản vay Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để thanh toán tiền mua trái phiếu đầu tư, khoản vay có kỳ hạn 3 tháng cho từng lần giải ngân và được bảo đảm bằng các hợp đồng tiền gửi của Tập đoàn tại chính Ngân hàng này (xem thuyết minh số VI.3c).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung nguồn vốn phục vụ cho hoạt động cho vay ký quỹ của Tập đoàn và đầu tư kinh doanh trái phiếu Chính phủ, khoản vay có kỳ hạn từ 3 đến 6 tháng và được bảo đảm bằng các hợp đồng tiền gửi của Tập đoàn tại chính Ngân hàng này cùng với một phần hợp đồng tiền gửi của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Ngoại thương Công nghệ số (VCBNeo) và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (xem thuyết minh số VI.3c).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TNHH Indovina để thanh toán tiền mua trái phiếu Chính phủ/ trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, khoản vay có kỳ hạn 6 tháng và được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi của Tập đoàn tại chính Ngân hàng này cùng với tài sản bổ sung là các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (mã số 115 - tài khoản AFS - Theo BCTC hợp nhất của Công ty và quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ giữa Tập đoàn và các khách hàng liên quan đến khoản vay giao dịch ký quỹ của Tập đoàn (xem thuyết minh số VI.3b, c, d). Tổng giá trị tài sản đảm bảo ít nhất 500.000.000.000 đồng.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong để thanh toán tiền mua trái phiếu đầu tư, khoản vay có kỳ hạn 3 tháng cho từng lần giải ngân, được bảo đảm bằng các hợp đồng tiền gửi của Tập đoàn tại chính Ngân hàng này (xem thuyết minh số VI.3c) cùng với quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng mua bán bất động sản của Công ty Cổ phần May Da Sài Gòn (là bên liên quan) và các tài sản bảo đảm khác theo hợp đồng tín dụng.
- (v) Các khoản vay cá nhân nhằm bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh, có thời hạn 12 tháng, lãi suất cố định 9,5%/năm, trả gốc và lãi khi đáo hạn, không có tài sản bảo đảm.

14. Trái phiếu phát hành ngắn hạn

Thông tin chi tiết về các loại trái phiếu phát hành của Tập đoàn như sau:

Trái phiếu phát hành ngày 04 tháng 10 năm 2024

- Nghị quyết ban hành : Nghị quyết số 30/2024/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 9 năm 2024
- Mã trái phiếu : TCIH2425001
- Số lượng trái phiếu phát hành : 4.000 trái phiếu
- Mệnh giá trái phiếu : 100.000.000 VND
- Khối lượng trái phiếu phát hành : 400.000.000.000 VND
- Thời điểm phát hành : 04/10/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Trái phiếu phát hành : Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có bảo đảm
- Kỳ hạn gốc : 1 năm kể từ ngày phát hành
- Phương thức phát hành : Phát hành thông qua Đại lý phát hành
- Đối tượng phát hành : Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định
- Hình thức Trái phiếu : Ghi sổ
- Số lượng đợt phát hành : 01 đợt
- Giá phát hành : 100% mệnh giá trái phiếu
- Lãi suất : 10,5%/năm

Mỗi trái phiếu sẽ được hưởng lãi kể từ và bao gồm ngày mà Tổ chức phát hành nhận tiền mua trái phiếu từ Người sở hữu trái phiếu cho đến, nhưng không bao gồm Ngày đáo hạn hoặc ngày trái phiếu được mua lại trước hạn (dù tự nguyện hay bắt buộc) theo quy định/thỏa thuận liên quan đến trái phiếu.

- Kỳ hạn trả lãi trái phiếu : 3 tháng/lần

Đối với kỳ tính lãi đầu tiên, sẽ được tính từ và bao gồm cả ngày mà Tổ chức phát hành nhận tiền mua trái phiếu từ Người sở hữu trái phiếu đến nhưng không bao gồm cả Ngày trả lãi đầu tiên của kỳ tính lãi đầu tiên.

Đối với mỗi Kỳ tính lãi tiếp theo, sẽ được tính từ và gồm cả Ngày trả lãi của Kỳ tính lãi ngay trước đó đến nhưng không gồm cả Ngày trả lãi của kỳ tính lãi tiếp theo.

- Ngày trả lãi : Ngày cuối cùng của mỗi kỳ tính lãi
- Địa điểm phát hành : Trong nước
- Loại tài sản bảo đảm : Cổ phần của Công ty cổ phần Chứng khoán Thành Công (Mã chứng khoán: TCI), Cổ phần Công ty cổ phần Bông Bạch Tuyết (Mã chứng khoán: BBT) và Cổ phần Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh (Mã chứng khoán: YTC)
- Số lượng cổ phần ban đầu :
 - 63.351.059 cổ phần của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công, trong đó: 35.686.841 cổ phần tự do chuyển nhượng và 27.664.218 cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng có thời hạn.
 - 1.914.800 cổ phần của Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết tự do chuyển nhượng.
 - 2.366.977 cổ phần của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh tự do chuyển nhượng

Chi tiết về số lượng cổ phần TCI, BBT và YTC được dùng làm tài sản bảo đảm ban đầu thực hiện theo thực tế phát sinh và thỏa thuận có liên quan.

- Tình trạng pháp lý của tài sản bảo đảm : 63.351.059 cổ phần TCI, 1.914.800 cổ phần BBT và 2.366.977 cổ phần YTC đã được lưu ký trong tài khoản chứng khoán của bên bảo đảm mở tại Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
- Đăng ký biện pháp bảo đảm : Việc đăng ký biện pháp bảo đảm đối với tài sản bảo đảm thực hiện theo quy định của pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm và theo thỏa thuận tại các văn kiện trái phiếu có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bên bảo đảm phối hợp với Đại lý Quản lý tài sản bảo đảm đăng ký biện pháp bảo đảm 35.686.841 cổ phần TCI, 1.914.800 cổ phần BBT và 2.366.977 cổ phần YTC trước hoặc vào ngày phát hành, 27.664.218 cổ phần TCI còn lại sẽ đăng ký biện pháp bảo đảm trong vòng 10 (Mười) ngày làm việc kể từ ngày VSDC giải toả hạn chế chuyển nhượng.

- Thời gian định giá lại : Được quy định cụ thể tại Các điều kiện trái phiếu và văn kiện trái phiếu có liên quan.
- Nghĩa vụ bảo đảm : Tài sản bảo đảm này sẽ được sử dụng bảo đảm cho nghĩa vụ của trái phiếu được phát hành theo phương án phát hành.
- Thứ tự thanh toán của nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu khi xử lý tài sản bảo đảm để thanh toán nợ theo tỷ lệ sở hữu
 - Một là, thanh toán tất cả các khoản gốc của trái phiếu;
 - Hai là, thanh toán các khoản lãi của trái phiếu mà chưa được thanh toán;
 - Ba là, thanh toán tất cả các khoản tiền phạt đã phát sinh và chưa thanh toán theo trái phiếu;
 - Bốn là, thanh toán tất cả các nghĩa vụ được bảo đảm khác chưa thanh toán tại thời điểm đó.

Trong thời hạn trái phiếu, Công ty/Bên bảo đảm có thể rút, bổ sung, thay thế tài sản bảo đảm này và/hoặc tài sản bảo đảm khác và việc rút, bổ sung, thay thế tài sản bảo đảm thực hiện theo các điều khoản, điều kiện trái phiếu quy định cụ thể tại các Văn kiện trái phiếu có liên quan.

- Dòng tiền thanh toán : Công ty sử dụng nguồn tiền thu được từ hoạt động kinh doanh trực tiếp, lợi nhuận giữ lại, khấu hao, lợi nhuận được chia từ công ty con (nếu có) và các nguồn tiền hợp pháp khác để thanh toán tiền gốc và lãi trái phiếu.
- Thanh toán trái phiếu khi đáo hạn : Trừ khi trái phiếu được mua lại trước hạn theo các điều khoản và điều kiện của trái phiếu, tiền gốc của trái phiếu sẽ được thanh toán một lần vào Ngày Đáo Hạn.
- Mục đích sử dụng vốn : Cơ cấu lại nợ của Công ty.

Toàn bộ số tiền thu được từ phát hành trái phiếu dùng để trả nợ vay, cụ thể:

- Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh: 200.000.000.000 VND;
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh: 115.000.000.000 VND;
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh: 85.000.000.000 VND.

- Mua lại trái phiếu : Công ty không có kế hoạch mua lại trái phiếu trước hạn. Công ty có thể bị bắt buộc mua lại trái phiếu trước hạn theo quy định của các điều kiện, điều khoản khác của trái phiếu quy định tại các Văn kiện trái phiếu có liên quan.

Ngày 06 tháng 10 năm 2025 Công ty đã thanh toán toàn bộ tiền gốc và lãi trái phiếu của mã trái phiếu TCIH2425001 đến hạn trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết biến động chỉ tiêu Trái phiếu phát hành ngắn hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	399.559.750.001	299.760.000.000
Phát hành thêm thu bằng tiền	-	400.000.000.000
Chi phí phát hành	440.249.999	386.750.001
Chi phí mua lại và thanh toán chi phí phát hành mới	-	(587.000.000)
Thanh toán tiền mua lại	<u>(400.000.000.000)</u>	<u>(300.000.000.000)</u>
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>399.559.750.001</u>

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả mua các tài sản tài chính	4.113.190.000	36.040.585.000
Các nhà cung cấp khác	57.680.197	81.989.009
Cộng	<u>4.170.870.197</u>	<u>36.122.574.009</u>

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	44.399.508	96.682
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	308.159.163	452.057.580
Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư	1.159.681.616	1.028.849.137
Thuế thu nhập doanh nghiệp ⁽ⁱ⁾	9.547.675.361	8.047.784.185
Các loại thuế khác	4.212.773	51.398.492
Cộng	<u>11.064.128.421</u>	<u>9.580.186.076</u>

(i) Bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu các năm trước với số tiền là: 62.657.712 VND.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất năm nay là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công (công ty con).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau nên số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	121.200.000	128.400.000
Chi phí lãi vay	3.739.084.933	12.690.507.419
Chi phí quản lý khác	4.892.477.365	2.089.909.497
Cộng	<u>8.752.762.298</u>	<u>14.908.816.916</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả tiền mua chứng khoán	2.783.323.330	-
Chi phí quản lý khác	360.641.630	559.637.892
Cộng	<u>3.143.964.960</u>	<u>559.637.892</u>

19. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến khoản lợi nhuận chưa thực hiện từ đánh giá tăng, giảm các tài sản tài chính tại Công ty mẹ và nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh liên quan đến khoản dự phòng đầu tư của Công ty mẹ tại Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20%.

20. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Được phép phát hành và đã góp vốn đủ		
Số lượng (cổ phần)	115.620.964	115.620.964
Mệnh giá (VND/cổ phần)	10.000	10.000
Giá trị (VND)	<u>1.156.209.640.000</u>	<u>1.156.209.640.000</u>
Thặng dư vốn cổ phần	(83.350.000)	(83.350.000)
Cộng	<u>1.156.126.290.000</u>	<u>1.156.126.290.000</u>

Công ty mẹ chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty mẹ. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Tập đoàn.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01 và số 02 ngày 17 tháng 4 năm 2025 đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ 1.156.209.640.000 VND dự kiến lên mức 3.012.419.280.000 VND, trong đó chào bán thêm 115.620.964 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và chào bán 70.000.000 cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược với vốn điều lệ tăng thêm theo mệnh giá lần lượt là 1.156.209.640.000 VND và 700.000.000.000 VND. Mức giá chào bán dự kiến cho cả hai hình thức đều là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Ngày 05 tháng 11 năm 2025 Công ty đã gửi Công văn số 189/2025/CV/TCSC cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc dừng xem xét Hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo Giấy đăng ký chào bán số 105/2025/CV/TCSC ngày 23 tháng 5 năm 2025. Công ty đã nhận được Công văn số 7246/UBCK-QLKD ngày 07 tháng 11 năm 2025 phản hồi về việc dừng xem xét Hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công.

Danh sách các cổ đông của Công ty mẹ tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital	633.510.590.000	633.510.590.000
Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean	34.350.000.000	34.350.000.000
Các cổ đông khác	488.349.050.000	488.349.050.000
Cộng	<u>1.156.209.640.000</u>	<u>1.156.209.640.000</u>

21. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát phát sinh từ việc đầu tư vào Quỹ đầu tư Thành Công (Công ty con) từ năm 2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính giao dịch được tự do chuyển nhượng	2.441.323.430.000	2.118.632.590.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	7.005.320.000	3.845.240.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	-	54.480.000.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	102.733.570.000	111.690.200.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	40.992.600.000	93.723.940.000
Cộng	<u>2.592.054.920.000</u>	<u>2.382.371.970.000</u>

2. Tiền gửi của Nhà đầu tư

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	68.443.987.580	66.340.180.896
Của Nhà đầu tư trong nước	66.965.625.255	66.220.704.739
Trong đó, tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC	1.043.398.289	159.067.000
Của Nhà đầu tư nước ngoài	1.478.362.325	119.476.157
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	69.894.519.446	58.902.820.363
Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	1.109.935	1.109.935
Cộng	<u>138.339.616.961</u>	<u>125.244.111.194</u>

3. Phải trả Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	68.443.987.580	66.340.180.896
Của nhà đầu tư trong nước	66.965.625.255	66.220.704.739
Của nhà đầu tư nước ngoài	1.478.362.325	119.476.157
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	1.109.935	1.109.935
Cộng	<u>68.445.097.515</u>	<u>66.341.290.831</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT

1. Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm nay	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm trước
			gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch		
Lãi bán					
Cổ phiếu niêm yết	52.105.052	1.464.254.332.685	1.285.065.199.524	179.189.133.161	53.299.627.025
Trái phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	37.350.000
Khác	-	-	-	60.000	500.000
Cộng	52.105.052	1.464.254.332.685	1.285.065.199.524	179.189.193.161	53.337.477.025
Lỗ bán					
Cổ phiếu niêm yết	12.210.406	136.462.167.605	291.567.952.688	(155.105.785.083)	(25.949.008.003)
Trái phiếu niêm yết	24.930.000	2.925.879.700.000	2.926.160.430.000	(280.730.000)	(175.080.000)
Khác	-	-	-	-	(4.960.000)
Cộng	37.140.406	3.062.341.867.605	3.217.728.382.688	(155.386.515.083)	(26.129.048.003)

2. Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL

Danh mục các tài sản	Giá trị mua theo sổ sách	Giá trị hợp lý	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm	Chênh lệch thuần điều chỉnh số kế toán trong năm
1. Cổ phiếu niêm yết	74.416.437.639	79.422.528.250	5.006.090.611		- 5.006.090.611
VIB	4.119.289.013	4.437.500.000	318.210.987		- 318.210.987
TCB	3.883.416.000	5.235.000.000	1.351.584.000		- 1.351.584.000
HPG	8.693.779.121	9.900.000.000	1.206.220.879		- 1.206.220.879
CTG	11.817.190.114	12.926.878.250	1.109.688.136		- 1.109.688.136
Cổ phiếu khác	45.902.763.391	46.923.150.000	1.020.386.609		- 1.020.386.609
2. Cổ phiếu hủy niêm yết	10.700.000	-	(10.700.000)	(10.700.000)	-
Cộng	74.427.137.639	79.422.528.250	4.995.390.611	(10.700.000)	5.006.090.611

3. Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ bán các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS

	Năm nay	Năm trước
Từ tài sản tài chính FVTPL	1.619.980.500	3.140.392.120
Cổ tức	1.619.980.500	3.140.392.120
Từ tài sản tài chính HTM	49.392.099.554	13.818.793.714
Lãi thực thu	36.538.042.214	10.190.596.364
Lãi trích trước	12.854.057.340	3.628.197.350
Từ các khoản cho vay và phải thu	88.666.196.423	84.147.313.607
Tiền lãi cho vay hoạt động Margin	80.430.544.705	77.495.252.054
Tiền lãi cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng	5.344.187.713	4.644.561.367
Phí gia hạn nợ Margin	2.891.464.005	2.007.500.186
Từ tài sản tài chính AFS	9.682.520.000	20.085.100.400
Cổ tức	9.682.520.000	20.085.100.400
Cộng	149.360.796.477	121.191.599.841

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Doanh thu ngoài thu nhập từ các tài sản tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu môi giới	34.609.536.853	30.170.563.407
Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	120.000.000	152.019.022
Doanh thu lưu ký chứng khoán	748.900.073	961.063.215
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	-	20.000.000
Doanh thu khác	6.321.471.244	5.944.788.722
Cộng	<u>41.799.908.170</u>	<u>37.248.434.366</u>

5. Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại

Khoản lỗ suy giảm giá trị của mã chứng khoán AFS phân loại lại (xem thuyết minh số VI.3e).

6. Chi phí môi giới chứng khoán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí giao dịch chứng khoán môi giới	9.427.516.701	7.185.254.572
Chi phí nhân viên	15.579.015.515	12.779.448.893
Chi phí công cụ dụng cụ	68.492.496	102.053.030
Chi phí khấu hao	5.780.796.363	4.535.985.699
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.685.684.266	6.353.443.750
Chi phí khác	151.672.919	157.778.689
Cộng	<u>37.693.178.260</u>	<u>31.113.964.633</u>

7. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	56.436.526.058	44.247.443.674
Chi phí tài chính khác	440.249.999	406.750.001
Cộng	<u>56.876.776.057</u>	<u>44.654.193.675</u>

8. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	27.487.851.044	25.610.416.096
Chi phí văn phòng phẩm	78.614.002	132.359.164
Chi phí công cụ, dụng cụ	411.159.025	703.479.524
Chi phí khấu hao tài sản cố định	447.597.301	539.922.277
Thuế, phí và lệ phí	36.865.000	33.828.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.214.992.786	7.941.811.102
Các chi phí khác	13.366.258.421	15.295.050.890
Cộng	<u>47.043.337.579</u>	<u>50.256.867.053</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	26.072.093	3.547.400
Các chi phí khác	3.154.313.544	2.045.761.352
Cộng	<u>3.180.385.637</u>	<u>2.049.308.752</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	11.716.984.726	56.740.648.562
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	11.716.984.726	56.740.648.562
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	115.620.964	115.620.964
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	101	491

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

IX. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT

- 1. Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất nhưng trước khi Báo cáo tài chính hợp nhất được phép phát hành**
Không có.
- 2. Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận**
Không có.
- 3. Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu**
Không có.

X. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. **Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm lương và thưởng cụ thể như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Khánh Linh	650.000.000	853.623.528
Ông Nguyễn Đông Hải	2.688.916.667	1.721.817.531
Ông Nguyễn Quốc Việt	650.000.000	853.623.528
Ông Nguyễn Đức Hiếu	2.078.749.569	2.305.556.055
Ông Phan Minh Trung	-	93.000.000
Ông Trịnh Tấn Lực	1.111.439.565	1.243.793.190
Bà Phạm Viết Lan Anh	1.037.402.119	1.025.093.490
Ban kiểm soát		
Ông Nguyễn Trung Hiếu	489.016.663	394.409.037
Bà Trần Thị Nhân	-	37.698.918
Bà Trương Thị Hồng Nhạn	-	30.000.000

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư SGI Holdings	Công ty mẹ tối cao
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean	Cổ đông sở hữu 2,97% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết	Công ty con của Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital
Công ty TNHH Bạch Tuyết Kotton	Công ty con của Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết
Công ty Cổ phần May da Sài Gòn	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty cùng Tập đoàn
Quý đầu tư tăng trưởng Thành Công	Quý cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital		
Doanh thu lưu ký	-	4.433.958
Doanh thu môi giới	-	130.224.093
Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean		
Doanh thu lưu ký	12.012.195	11.784.750
Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết		
Doanh thu từ cổ tức	466.900.000	-
Công ty Cổ phần May da Sài Gòn		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.579.224	102.754.806
Quý đầu tư tăng trưởng Thành Công		
Doanh thu môi giới	28.179.288	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư SGI Holdings		
Doanh thu môi giới	137.507.347	167.358.074
Doanh thu lưu ký	4.658.696	219.792

Công nợ với các bên liên quan khác

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3		
Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	348	348
Công ty Cổ phần May da Sài Gòn		
Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	5.440	5.439
Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean		
Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	7.031.993	19.134.755
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital		
Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	-	8.259
Công ty Cổ phần Đầu tư SGI Holdings		
Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	4.634.161	440.441
Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết		
Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	1.237	1.237
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công		
Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	1.597.489	7.949.974
Tổng nợ phải trả các bên liên quan	13.270.668	27.540.453

2. Cam kết thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	2.300.072.727	2.160.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	7.380.000.000	704.219.178
Cộng	9.680.072.727	2.864.219.178

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn thuê tại lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh. Hợp đồng thuê hết hạn vào ngày 29 tháng 4 năm 2030, với giá thuê có thuế giá trị gia tăng theo từng giai đoạn là:

- Từ ngày 30 tháng 10 năm 2025 đến ngày 29 tháng 4 năm 2026: 215.018.182 VND/tháng;
- Từ ngày 30 tháng 4 năm 2026 đến ngày 29 tháng 4 năm 2030: 180.000.000 VND/tháng.

3. Thông tin về bộ phận

Ban Tổng Giám đốc của Công ty mẹ xem xét, đánh giá và quyết định không lập Báo cáo bộ phận và trình bày thông tin này do hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán. Kết quả hoạt động được trình bày trong phần doanh thu và chi phí hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trên Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Về mặt địa lý, Tập đoàn chỉ hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam. Với các lý do nêu trên Ban Tổng Giám đốc của Công ty mẹ đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày Báo cáo bộ phận trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 – “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện tại của Tập đoàn.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Tại thời điểm phát hành báo cáo, một số mã cổ phiếu trong danh mục “Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)” có giá thị trường giảm đáng kể so với giá trị hợp lý được xác định tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, chủ yếu do biến động giảm của thị trường chứng khoán. Theo quy định hiện hành, Tập đoàn sẽ ghi nhận khoản đánh giá này trong kỳ kế toán tiếp theo.

Ngoài sự kiện nêu trên và sự kiện đã trình bày tại thuyết minh số VI.3f, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

XÁC NHẬN THEO ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
(Signature, full name, and company seal)



TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN ĐỨC HIẾU